

XBP VV  
1577

PHI ĐẢNG BỘ HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI

★ ★ ★

**LỊCH SỬ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG**  
**CỦA ĐẢNG BỘ và NHÂN DÂN**  
**HUYỆN THỐNG NHẤT**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THỐNG NHẤT TỈNH ĐỒNG NAI  
LỊCH SỬ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI 1995**

**Chỉ đạo nội dung:**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THỐNG NHẤT (TỈNH ĐỒNG  
NAI)**

**Chỉ đạo thực hiện:**

**BAN TUYỂN GIÁO HUYỆN ỦY HUYỆN THỐNG NHẤT**

**Biên soạn:**

**TRẦN QUANG TOẠI**

**TRẦN TOẢN**

**NGUYỄN QUANG HỮU**

## LỜI GIỚI THIỆU

Sáu mươi lăm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất đã vượt qua nhiều gian khổ thử thách, kiên trì, bám trụ chiến đấu và lập nên những kỳ tích vẻ vang góp phần vào thắng lợi chung của toàn tỉnh. 50 năm khoảng thời gian không dài so với lịch sử, nhưng Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất góp phần tô đậm thêm những trang sử chống ngoại xâm vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Thống Nhất là một huyện có vị trí chiến lược quan trọng : An ngữ hướng đông Bắc Biên Hòa và Thành Phố Sài Gòn, là vùng tiếp giáp với chiến khu Đ, là cửa khẩu hậu cần cung cấp sức người sức của cho kháng chiến, là hậu cứ cho các cơ quan của khu, tỉnh dừng chân và là bàn đạp quan trọng tiến công vào các cơ quan đầu não của địch ở Biên Hòa và Sài Gòn.

Nhân dân huyện Thống Nhất có truyền thống yêu nước đoàn kết. Và theo Đảng đấu tranh, không ngừng chống áp bức bất công, chống ngoại xâm để giành lại độc lập dân tộc, thống nhất Tổ Quốc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, địa bàn huyện Thống Nhất là nơi diễn ra chanh chấp, dành giựt quyết liệt giữa ta và địch. Với số lượng và cường độ bom pháo, với một lực lượng quân sự và một bộ máy kèm kẹp nặng nề, nhưng Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất đã vượt qua mọi khó khăn để đánh địch bảo vệ an toàn căn cứ, giữ vững bàn đạp tiến công địch, góp sức tạo nên những chiến công vang dội. Đó là trận đánh Trảng Bom (7/1951), Bàu Cá (7/1947). Trong Kháng chiến chống Pháp, chiến thắng tiêu diệt yếu khu Trảng Bom (4/1975) mở đường cho quân ta tiến về giải phóng Biên Hòa, Sài Gòn, là bàn đạp góp phần tạo nên những chiến thắng lớn của quân ta đánh hậu cứ địch ở Long Bình, Biên Hòa...

Viết lại quá trình đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện và rút ra những bài học kinh nghiệm trong chiến đấu và xây dựng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất là việc làm bổ ích và việc làm cần thiết, giúp cho việc giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, nhân dân và đặc biệt cho thế hệ trẻ hiện tại và mai sau.

Thực hiện sự chỉ đạo của thường vụ tỉnh ủy Đồng Nai về viết Lịch sử truyền thống địa phương, sự quan tâm của thường vụ huyện ủy và được sự giúp đỡ của Ban tuyên giáo tỉnh ủy Đồng Nai cùng đông đảo cán bộ chiến sĩ và nhân dân đã sống và cống hiến sức lực cho sự nghiệp cách mạng trên mảnh đất Thống Nhất, đến nay công trình “Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất” đã hoàn thành.

Viết lịch sử truyền thống địa phương là một việc làm khoa học với nhiều khó khăn phức tạp và những người tham gia biên soạn vẫn còn hạn chế trong khi thực hiện do đó cuốn sách chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Chúng tôi mong các bạn đọc gần xa góp ý để tu sửa và hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Ban Chấp Hành Đảng Bộ huyện Thống Nhất xin chân thành cảm ơn các cơ quan đơn vị, các đồng chí đồng bào đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành cuốn sách.

*Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng hoàn toàn Huyện, Giải phóng Miền Nam, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách “Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thống Nhất” đến với đồng bào bạn đọc gần xa.*

Thống Nhất, ngày 9-3-1995

**TM. BCH Huyện ủy Thống Nhất**

**BÍ THƯ**

**LÊ MINH  
SƠN**

## **CHƯƠNG MỞ ĐẦU**

### **HUYỆN THỐNG NHẤT**

Theo quốc lộ I từ Thành phố Biên Hòa hoặc từ Thành phố Hồ Chí Minh theo đường xa lộ Hà Nội (Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa) về phía bắc qua phường Tân Hòa (Thành phố Biên Hòa), chúng ta bước vào địa phận huyện Thống Nhất.

Thống Nhất là huyện bán trung du của Đồng Nai, cách Thành phố Biên Hòa 22km về phía đông<sup>1</sup>, phía đông bắc giáp huyện Tân Phú; đông nam giáp huyện Long Khánh, bắc tây bắc giáp thị xã Vĩnh An; tây nam giáp thành phố Biên Hòa.

Diện tích tự nhiên của huyện 55.300 ha, huyện có 24 xã, 1 thị trấn trung tâm<sup>2</sup>, dân số 283.000 người với 15 dân tộc khác nhau, trong đó người kinh chiếm đa số<sup>3</sup>.

Huyện nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mỗi năm có hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Nhưng do cấu tạo địa hình khác nhau, huyện có 3 vùng, chế độ mưa khác nhau<sup>4</sup>, nhiệt độ bình quân 26°C<sup>5</sup>;

<sup>1</sup> Tọa độ 10°50'49" đến 11°06' vĩ độ Bắc và 10°54'07" đến 107°14'18" kinh độ đông.

<sup>2</sup> Các xã và thị trấn hiện nay" Thị trấn Trảng Bom; Các xã : Hồ Nai 3, Bình Sơn, Bình Minh, Giang Điền, Quảng Tiến, Suối Trầu, Cây Gáo, Thanh Bình, Sông Thao, Bàu Hàm, An Viễn, Xã Đồi 61, Xã Lộ 25, Hưng Thịnh, Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Gia Kiệm, Gia Tân 1, Gia Tân 2, Gia Tân 3, Tây Hòa, Đông Hòa, Trung Hòa.

<sup>3</sup> Số liệu tính đến đầu năm 1995.

<sup>4</sup> Vùng 1: Gia Tân, Gia Kiệm mưa sớm và kết thúc muộn từ tháng 4 đến cuối tháng 11. Lượng mưa bình quân 2.250 -

tốc độ gió bình quân 2 mét/giây.

Cộng với thời tiết, khí hậu, thiên nhiên lại phù cho Thống Nhất một vùng đất khá trù phú màu mỡ. Địa hình chủ yếu của huyện là các đồi thấp theo kiểu lượn sóng, có độ cao nâng dần theo hướng tây nam - đông bắc.

Về thổ nhưỡng, huyện có hai loại đất chính:

- Đất đỏ bazan hình thành do dung nham của các ngọn núi lửa hoạt động cách đây hàng triệu năm để lại (núi Võ Đông), có diện tích khá lớn 36.374 héc-ta (chiếm 69,5% diện tích toàn huyện).

- Nhóm đất phát triển trên phù sa cổ, hình thành do bồi tụ của các con sông Đồng Nai, Rạch Đông, Sông Buông, chủ yếu ở hai xã Hố Nai 3, Hố Nai 4 gồm 7.650 hecta (chiếm 13,9% diện tích toàn huyện). Ngoài ra là các loại đất đen và bạc màu<sup>6</sup>.

Trên địa bàn toàn huyện có 3 con sông chính chảy qua :

- Sông Đồng Nai, bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (Lâm Đồng). Đoạn chảy qua phía bắc huyện dài 7km, do độ dốc cao, nên khả năng sử dụng có ích kém. Công trình thủy điện Trị An hoàn thành và đi vào hoạt động đã làm ngập hơn 1.000 hecta đất của huyện.

- Sông Rạch Đông : từ chân núi Sóc Lu đổ ra sông Đồng Nai nằm ở phía bắc lộ 1. Đoạn chảy qua huyện dài 25,44km. Sông có lượng nước đến lớn, về mùa mưa lũ, có ảnh hưởng trực tiếp đến cánh đồng Bùi Chu (xã Hố Nai 4).

- Sông Buông : nằm ở phía nam lộ 1, bắt nguồn từ dãy núi 396 Bình Lộc, chảy theo hướng đông bắc xuống tây nam và đổ ra sông Đồng Nai, có khả năng đắp hồ chứa nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, huyện Thống Nhất còn một hệ thống suối lớn, nhỏ đổ vào 3 con sông

---

4.500 mm/năm.

Vùng 2: Trảng Bom, Hưng Lộc, Bàu Hàm, Suối Trầu, Cây Gáo, Đồi 61, An Viễn mưa trễ hơn, kết thúc trễ hơn vùng 1. Lượng mưa bình quân từ 2.000 - 2.250 mm/năm.

Vùng 3: Hố Nai 3, Hố Nai 4, Giang Điền, mưa trễ hết sớm hơn vùng 1 và 2. Lượng mưa bình quân 750 - 2.000 mm/năm.

<sup>5</sup> Chế độ nhiệt chia hai vùng:

Vùng 1: Gia Kiệm, Gia Tân, Bàu Hàm 1 từ 25°C đến 26°C.

Vùng 2: Các xã còn lại từ 26°C đến 27°C. Nhiệt độ thấp tuyệt đối 8°C, nhiệt độ cao tuyệt đối 29,3°C.

<sup>6</sup> Nhóm đất hình thành trên đá mẹ bazan chia ra:

- Đất màu đỏ trên đá bazan: 7.315 ha (13,9%) có tầng dày 120cm, hàm lượng N, P, K vón mùn giàu, thích hợp với cây lâu năm.

- Đất nâu thẫm trên đá bazan : 12.662 ha (22,9%), chủ yếu ở Cây Gáo, Suối Trầu, Bàu Hàm 1, một phần ở Gia Kiệm, Gia Tân, là loại đất tương đối tốt, giàu chất dinh dưỡng sau loại đất đỏ bazan, giữ ẩm tốt nhờ nhiều đá lộ đầu, thích hợp với cây công nghiệp ngắn ngày.

- Đất nâu vàng trên đá bazan: 10.555 ha (19%), đất nằm ở độ cao 60 – 100m, bị thoái hóa do độ dốc cao, tầng đất dày thích hợp với cây ăn trái và cây công nghiệp ngắn ngày, tập trung chủ yếu ở Trảng Bom 1, Trảng Bom 2, Dầu Giây, Hưng Lộc.

- Nhóm đất phát triển trên phù sa cổ : Chủ yếu ở Hố Nai 3, Hố Nai 4, đất có thành phần cơ giới nhẹ, nghèo Nitơ (N), Sắt (F). Kali (K) ít khả năng giữ ẩm, tầng đất mỏng dễ xói mòn.

chính<sup>7</sup>. Huyện có 4 hồ chứa nước lớn như Sông Mây (Hố Nai 4) rộng 320 hecta tưới cho 1.300 hecta đất, hồ Thanh Niên (Hố Nai 3) rộng 3 hecta, tưới cho 60 hecta đất, hồ chứa 3 tháng 2 (Hố Nai 3) tưới cho 13 hecta đất, hồ Hàm Đá (Trảng Bom 1) rộng 1 hecta và 13 đập nước khác. Nhiều đầm, ao, bầu của huyện có khả năng nuôi trồng thủy sản.

Núi Sóc Lu, Gia Nhang, Sông Buông, Suối Mũ, Suối Rết... trong kháng chiến chống Mỹ từng là căn cứ của tỉnh Biên Hòa, Thị ủy Biên Hòa, huyện Trảng Bom, Phân khu 4 và các xã của huyện.

Thế mạnh của huyện là cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày như đậu nành, bắp, cà phê, hồ tiêu, thuốc lá, điều, chuối... Những ngành nghề thủ công nghiệp như đan lát mây tre, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm... khá phát triển<sup>8</sup>.

Huyện Thống Nhất chính thức thành lập vào tháng 10 năm 1973. Địa giới huyện nhiều lần thay đổi. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn huyện thuộc hai huyện Vĩnh Cửu (từ Hố Nai lên Trảng Bom đến Dầu Giây) và huyện Long Khánh (Hưng Lộc lên Gia Kiệm, Gia Tân).

Trong kháng chiến chống Mỹ, chính quyền Sài Gòn lập quận Đức Tu (kể cả Hố Nai, Trảng Bom) và quận Kiệm Tân (từ Gia Kiệm đến Gia Tân). Như vậy, địa bàn huyện Thống Nhất theo phân chia của chính quyền Sài Gòn thuộc 3 quận Đức Tu, Kiệm Tân và Long Khánh.

Năm 1960, nhận rõ tầm quan trọng của vùng tập trung đông đồng bào có đạo Thiên chúa, Trung ương Cục miền Nam thành lập Ban di cư vận<sup>9</sup> và Ban cán sự di cư để vận động, tập hợp đồng bào các xã dọc quốc lộ I, quốc lộ 20. Tháng 10-1966, huyện Trảng Bom được thành lập (bao gồm cả xã Hưng Lộc), là tiền thân của huyện Thống Nhất. Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, huyện Trảng Bom hai lần tách, nhập cùng huyện Vĩnh Cửu (tháng 5-1971 nhập thành huyện Vĩnh Cửu, tháng 10-1972 tách, lập lại huyện Trảng Bom). Đến tháng 10-1973, Trung ương Cục miền Nam thành lập huyện 121, sau đó đổi tên thành huyện Thống Nhất (căn cứ trên đặc điểm địa phương gồm nhiều thành phần dân tộc, nhiều tôn giáo).

Về đặc điểm dân cư, ngoài đồng bào dân tộc Châu Ro là dân bản địa, đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp bắt đầu khai thác gỗ và trồng cao su ở Trảng Bom, Dầu Giây, dân số bắt đầu tăng lên, hầu hết là người từ miền Trung, miền Bắc được mộ vào làm phu cao su. Dọc quốc lộ I, quốc lộ 20 bấy giờ còn là một vùng hoang vu, rừng rậm đến sát đường. Năm 1925, không cam chịu dưới chế độ áp bức bóc lột, đánh đập dã man của tư bản ở các đồn điền cao su, một số công nhân công tra và gia đình ở các sở Dầu Giây, An Lộc, Cốc Rang, Ông Quế... đã bỏ trốn ra sống ở Gia Nhang, Suối Bí. Cuộc sống tương đối tự do hơn, đất màu mỡ trù phú thu hút ngày càng đông đồng bào đến định cư, sinh sống, xóm làng đông vui, xã Hưng Lộc từng bước hình thành.

---

<sup>7</sup> Suối Thao, Suối Rết, Gia Nhang, Địa, Mũ. Suối Bí, Suối Tre, Suối Dầu, Đa Dung, Suối Gur, Suối Gia Kiệm, Bền Nôm, Suối Rừng...

<sup>8</sup> Huyện có 9.000 ha đậu nành, 4.000 ha cà phê, 3.000 ha chuối bôm, 10.000 ha bắp, 3.000 ha mì, 9 xí nghiệp sản xuất công nghiệp, 9 cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội thuộc Trung ương, tỉnh, huyện.

<sup>9</sup> Do đồng chí Văn Công Văn làm trưởng ban.

Sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết (tháng 7-1954), hơn 150.000 đồng bào từ miền Bắc di cư vào, được Chính quyền Sài Gòn định cư dọc quốc lộ I, quốc lộ 20. Từ những trại định cư tạm, nhân dân bắt đầu lao động khai hoang, mở đất lập nên làng xóm ngày càng trù phú. Năm 1972, sau chiến dịch Xuân - Hè, hàng ngàn đồng bào từ miền Trung đã bỏ vào Trảng Bom, các làng Quảng Đà, Quảng Biên hình thành, dân số huyện, ngày một đông lên. Sau ngày miền Nam giải phóng, đồng bào từ khắp các miền đất nước đã về huyện Thống Nhất xây dựng các làng xã kinh tế mới.

Từ đặc điểm dân cư như trên cho thấy, Thống Nhất ngày nay có thể nói là hình ảnh một nước Việt Nam thu nhỏ, gồm nhiều thành phần dân tộc, đủ cả các miền Trung - Nam - Bắc của đất nước. Hơn 85% dân số toàn huyện có đạo Thiên chúa<sup>10</sup>.

Tuy là một huyện mới, nhưng cách đây từ 2.500 đến 3.000 năm, đã có người xưa sinh sống trên địa bàn.

Năm 1978, người ta đã tìm thấy tại Gia Tân nhiều công cụ đồ đá cũ. Tháng 11-1983, di chỉ khảo cổ dưới chân núi Võ Dông đã được khai quật, hiển hiện lên cuộc sống của con người có cách đây hàng ngàn năm.

Tháng 4-1984, dọc hai bên bờ Suối Rét cũng đã phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ. Đây là một hệ thống đồi trãi dọc theo bờ suối kéo dài từ Suối Trầu đến ấp trung tâm ven lộ 1, bao gồm toàn bộ khu Tân Lập và các nông trường của đơn vị Z302 (nơi gần nhất cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom 2 là 9km về hướng tây nam). Các hiện vật tìm thấy tập trung ở hai bờ Nam - Bắc Suối Rét gồm có cuốc đá, rìu, bôn tứ giác, 25 rìu bôn có vai, chày nghiền, bàn mài, 129 mảnh gốm nung. Đây là di chỉ khảo cổ học đầu tiên được phát hiện ở Trảng Bom.

Các mảnh gốm tìm thấy ở Thống Nhất được chế tác ở trình độ khá tiên bộ, có độ nung cao, phong phú về kiểu loại, đặc biệt miệng loa khum, mép dày và được tạo gờ nhọn như nửa mũi tên, hoa văn trên gốm in kiểu nhấn tàn ong và in chấm thành hàng trên vành miệng. Đó là những đặc điểm dễ thấy của "mỹ nghệ" Trảng Bom.

Nhóm các di chỉ khảo phát hiện ở Võ Dông, Nam - Bắc Suối Rét (Trảng Bom) có thể đặt ở cuối thiên niên kỷ III đầu thiên niên kỷ II trước công nguyên.

Như vậy, mảnh đất Thống Nhất cách đây gần 3.000 năm đã là địa bàn cư trú của người xưa. Ngoài nghề săn bắn, hái lượm đã biết chế tác ra những loại công cụ lao động bằng đá, sáng tạo nên những đồ gốm mỹ nghệ có dáng và hoa văn sinh động.

Huyện Thống Nhất có một vị trí quan trọng, nằm trên hai quốc lộ, quốc lộ I ra miền Trung, vào Sài Gòn, Biên Hòa; quốc lộ 20 đi Lâm Đồng, Tây Nguyên; có đường sắt Bắc - Nam; có rừng nối liền rừng Xuân Lộc, Định Quán, huyện Vĩnh Cửu, Long Thành.

Trong kháng chiến chống Pháp, địch xây dựng yếu khu Trảng Bom để bảo vệ giao thông đường sắt, quốc lộ I, quốc lộ 20 và các cơ sở kinh tế (các sở cao su); đồng thời lấy đây làm bàn đạp đánh vào các vùng căn cứ du kích của huyện Vĩnh Cửu như

---

<sup>10</sup> Ngày 31-1-1966, Toà thánh Vatican ban hành sắc lệnh thành lập địa phận Xuân Lộc (gồm Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, Vũng Tàu). Khi thành lập, địa phận Xuân Lộc có 10 hạt, 133 xứ, 157 linh mục, 164.144 giáo dân. Đến năm 1975, huyện Thống Nhất có 4 hạt : Đốc Mơ, Gia Kiệm, Hồ Nai 1, Hồ Nai 2, 52 giáo xứ.

Tân Định, Đại An, đánh vào chiến khu Đ.

Trong chống Mỹ cứu nước, huyện Thống Nhất gần như nằm lọt trong vòng vây những chi khu, tiểu khu quân sự của địch<sup>11</sup> và những căn cứ quân sự, kho tàng lớn của địch như sân bay Biên Hòa, quân đoàn III ngụy, tổng kho liên hợp Long Bình, căn cứ Nước Trong... Địch ra sức xây dựng Thống Nhất thành một vành đai vừa bảo vệ giao thông đường bộ, đường sắt, bảo vệ các căn cứ, kho tàng quân sự, chốt chặn cửa ngõ phía đông Sài Gòn. Việc định cư đồng bào di cư từ miền Bắc vào trên hai trục quốc lộ I và 20 cũng nằm trong ý đồ âm mưu sâu xa của địch là tạo ra hậu thuẫn chính trị, lực lượng dự bị cho chính quyền tay sai ở Sài Gòn.

Không kể bộ máy quản lý hành chính cấp quận, xã, ấp, lực lượng quân sự thường xuyên của địch có từ 1 tiểu đoàn trở lên. Khi cần, chúng tăng cường thêm quân biệt động, các đơn vị sư đoàn 18, xe tăng, máy bay từ tiểu khu Biên Hòa, Long Khánh, Quân đoàn III. Từ năm 1966, địch tăng cường thêm đồn bót, cụm chốt quân sự của sư 18, quân viễn chinh Mỹ ở Trảng Bom, Hưng Lộc, Bàu Hàm... Cụm pháo Sông Thao. Sau Mậu Thân 1968, tại các xã đồng đồng bào di cư, địch thành lập các đoàn phòng vệ dân sự (Nhân dân tự vệ), mỗi đoàn có từ 200 đến 300 thanh niên, trang bị các loại súng tự động làm lực lượng bảo vệ làng xã và là quân dự bị cho quân ngụy Sài Gòn. Những vùng căn cứ như Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Hàm, Đồng Lách, Sông Mây... địch tập trung càn quét, đánh phá ác liệt, chúng dùng xe tăng ủi phá rừng, dùng chất độc hóa học khai hoang phá địa bàn bám trụ của Cách mạng.

Đối với Cách mạng, Trung ương Cục, khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa rất chú trọng đến đặc điểm, vị trí và tính chất của Thống Nhất, nhất là đối với vấn đề công nhân cao su và tôn giáo, dân tộc. Đứng vững ở địa bàn này không những tạo nên những cửa khẩu hậu cần cung cấp nguồn hàng cho Cách mạng, giữ được các tuyến hành lang giao liên quan trọng, mà còn tạo thế để các lực lượng vũ trang tiến công vào các cơ quan chỉ huy đầu não, căn cứ quân sự của địch ở Thành phố Biên Hòa. Thực tế những năm khó khăn (1969, 1971) cho thấy Hưng Lộc, Bàu Hàm, Trảng Bom... đã là những cửa khẩu hậu cần quan trọng, nguồn cung cấp lương thực, hàng hóa giúp các lực lượng Cách mạng vượt qua khó khăn.

Năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa. Nhân dân Biên Hòa đã tham gia kháng chiến, tiếp tế lương thực cho nghĩa quân Trương Định chống Pháp. Vùng Bàu Cá (Trảng Bom 2) được xây dựng thành một căn cứ tiếp tế, đảm bảo hậu cần cho nghĩa quân. Bàu Cá cùng các căn cứ khác ở Biên Hòa như Giao Loan (Rừng Lá), Long Kiên, Long Xuyên (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)... tạo thành một hệ thống căn cứ chống Pháp có hiệu quả. Mãi đến năm 1865, căn cứ Bàu Cá mới bị thực dân Pháp đánh chiếm.

Trong kháng chiến 9 năm (1945 - 1954), nhân dân huyện Thống Nhất, nòng cốt là đồng bào dân tộc, công nhân cao su các sở Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo đã thoát ly tham gia kháng chiến, xây dựng căn cứ, ủng hộ nuôi quân... Phong trào phá hoại giao thông, phá hoại kinh tế gây nhiều thiệt hại cho thực dân, tư bản ở địa phương. Nhân dân Thống Nhất đã có nhiều đóng góp để lực lượng vũ trang địa

---

<sup>11</sup> Các chi khu Đức Tân Uyên, Kiệm Tân, Xuân Lộc. Các tiểu khu Biên Hòa, tiểu khu Long Khánh.



phương làm nên những chiến thắng lớn có ý nghĩa như Bàu Cá (14-7-1947), La Ngà (1-3-1948), Trảng Bom (20-7-1951)...

Trong kháng chiến chống Mỹ, Ban di cư vận, huyện ủy Trảng Bom, Thống Nhất kiên trì đường lối vận động quần chúng, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, đã thực hiện thắng lợi công tác vận động, tập hợp đồng bào dân tộc, người có đạo công giáo. Vùng Gia Kiệm, Bù Chu, Thanh Hóa, Bắc Hòa tổ chức được nhiều cơ sở cách mạng, đưa được phong trào đấu tranh của quần chúng đi lên. Đảng bộ, quân dân huyện Thống Nhất đã trụ bám địa bàn, xây dựng các cửa khẩu, bảo vệ hành lang vận chuyển cách mạng, tạo nhiều điều kiện cho chủ lực tiến công vào các căn cứ, kho tàng lớn diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, góp phần diệt chiến đoàn 52 sư đoàn 18 nguy, cắt đứt ngã ba Dầu Giây, tạo điều kiện giải phóng thị xã Long Khánh tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

## CHƯƠNG MỘT

### CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

#### 1. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM :

Huyện Thống Nhất trước đây là một vùng rừng hoang vu (trước Cách mạng tháng Tám 1945 và trước năm 1954). Rừng trải dài theo quốc lộ I, quốc lộ 20 xuống đến suối Sơn Máu (Thành phố Biên Hòa). Xa hơn nữa vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, rừng huyện Thống Nhất trên một dãy với rừng Xuân Lộc, Long Thành, Định Quán nối liền với rừng huyện Tân Uyên (trong kháng chiến chống Pháp trở thành chiến khu Đ). Rừng Thống Nhất không thiếu những loại gỗ quý như cẩm, gõ, cẩm xe, sao, sến... cùng các loại dã thú, chim muông.

Từ cuối thế kỷ 19, sau khi cơ bản đã chiếm được Nam kỳ thực dân Pháp bước vào giai đoạn bình định và khai thác, nhằm bóc lột tài nguyên thiên nhiên, sức lao động rẻ tiền ở thuộc địa. Vùng đất đỏ màu mỡ ở Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây... hội đủ điều kiện để thực dân tư bản Pháp khai thác làm giàu cho "chính quốc". Âm mưu, ý đồ bóc lột thuộc địa của Pháp đã được Pôn Đu-me (Paul Doumer) toàn quyền ở Đông Dương nói công khai : "... kỹ nghệ thuộc địa phải được lập ra để sản xuất những gì mà kỹ nghệ Pháp không sản xuất được... Đối với nước Pháp, các thuộc địa đứng trên mọi quan điểm mà xét, ngay cả trên lĩnh vực kỹ nghệ nữa chỉ là những căn cứ hoạt động giúp cho nước Pháp bành trướng được ra xa hoạt động của mình trên thế giới". Hẳn khuyến khích sự đầu tư và khai thác thuộc địa của tư bản Pháp : "... Việc thiết lập kỹ nghệ ở thuộc địa chỉ có thể được khuyến khích không giới hạn nếu nó không tổn hại gì cho kỹ nghệ chính quốc..."<sup>12</sup>.

Mê-lin (Méline), Giám đốc hội kỹ nghệ và canh nông năm 1891 đã phát biểu : "... nên sản xuất thuộc địa phải giới hạn ở chỗ là cung cấp cho chính quốc những nguyên liệu đầu tiên"<sup>13</sup>.

<sup>12</sup> và <sup>13</sup> Paul Doumer, L'Indochine Française (Souvenires) Paris 1905, trang 392. Trích lại trong "Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng". Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1978, trang 18.

Từ chủ trương đó, năm 1907, thực dân Pháp thành lập Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Biên Hòa (Biên Hòa Industriell Forestier - gọi tắt là BIF).

Năm 1912, Nhà máy BIF (Tân Mai Biên Hòa) căn bản hoàn thành và đi vào sản xuất mặt hàng xuất khẩu là gỗ xẻ, đồ mộc..., sau đó hãng còn sản xuất thêm rượu và cao su.

Ban đầu Nhà máy BIF có 300 thợ, 5 đầu máy xe lửa nhỏ với hơn 20 toa xe chở gỗ, củi<sup>14</sup>. Nhà máy lập riêng hai nhánh đường sắt từ ga Biên Hòa đến nhà máy và từ ga Trảng Bom đến Bến Nôm (nay thuộc xã Phú Cường huyện Định Quán). Danh từ Trảng Bom phải chăng từ tiếng Pháp Transport (vận chuyển) lâu ngày đọc trại thành ?

Năm 1905, Công ty nông nghiệp Suzannah được thành lập (Société Agricole de Suzannah). Cây cao su đầu tiên ở Đồng Nai được công ty này trồng vào năm 1906, hiện vẫn còn 8 hecta ở lô số 9 (nay thuộc Nông trường cao su Dầu Giây).

Đến năm 1908, tư bản Pháp thành lập Công ty cao su Đồng Nai, (Les caouchoues du Donai - gọi tắt là LCD). BIF khai thác cây rừng đến đâu thì Công ty LCD trồng cao su để khai thác nguyên liệu thiên nhiên quý hiếm (cao su) đến đó. Công ty cao su Đồng Nai có 3 đồn điền là Trảng Bom, Cây Gáo, Túc Trưng, bắt đầu trồng cao su từ năm 1908. Đến năm 1910, Công ty đã trồng được 23.000 cây cao su.

Để có nhân lực khẩn hoang, trồng và khai thác cao su - một loại cây nguyên liệu hết sức cần thiết cho nền kinh tế Pháp bấy giờ, thực dân phải tiến hành mộ phu từ miền Bắc, miền Trung vào. Ban đầu Pháp dựa vào chính quyền tay sai (bọn tề, tổng địa phương) để mộ phu, mà thực chất là bắt phu. Thanh tra Đờ La-ma (De Lamare) trong báo cáo gửi Chánh phủ Pháp ghi rõ : "... Những cuộc bắt phu rộng lớn và đầy rẫy chết chóc đã thường làm vắng lặng hàng nhiều tỉnh..."<sup>15</sup>.

Từ sau đệ nhất thế chiến (1914 - 1918), thực dân Pháp càng tăng cường khai thác thuộc địa để bù đắp những thiệt hại và khắc phục những khó khăn chông chát về kinh tế do chiến tranh gây ra. Diện tích khai thác cây cao su ngày càng mở rộng với qui mô lớn hơn, số vốn đầu tư vào cây cao su của tư bản Pháp ngày càng nhiều. Khi mới thành lập, Công ty LCD có vốn là 500.000 phật lạng (tiền Pháp), thì đến 1919, số vốn tăng lên là 6.000.000 phật lạng, và năm 1933 lên đến 33.000.000 phật lạng. Diện tích trồng cao su năm 1910 là 23.000 cây, đến 1926, riêng đồn điền Trảng Bom đã có 107,3 ha cao su.

Thực dân tư bản Pháp cho lập nhiều nhà mộ phu ở miền Trung, miền Bắc, tung bọn mộ phu vào các xóm làng nông thôn tuyên truyền cho việc huy động dân vào Nam làm cao su. Nhiều bác công nhân lớn tuổi hiện nay vẫn còn nhớ những bài vè, bài hát cổ động và lừa phỉnh nông dân đi phu :

*“Cao su sống thật là nhân*

*Vào đây có xóm có làng hẳn hoi*

*Không tin vào đây mà coi*

---

<sup>14</sup> Năm 1934, Nhà máy mua thêm trang thiết bị, máy móc mới và đổi tên thành hãng rừng và cửa Biên Hòa. Nhưng tên gọi BIF vẫn là phổ biến.

<sup>15</sup> Sách đã dẫn trang 1- trang 40.

*Gạo thịch chủ phát, ôi thôi thiếu gì  
Tiền lương mỗi tháng hai kỳ  
Thức ăn giá rẻ mặc tình mà mua...  
... Tội chi ôm mãi xóm làng  
Mau đi một chuyến vào Nam xem nào”  
Hoặc là : “Tội gì phải lo, tội gì phải lo  
Ba năm mãn hạn ám no lại về”.*

Người nông dân khi chấp nhận đi phu phải ký giao kèo (contrat), mà thực chất của nó như nhà báo Lu-y Rubô (Louis Roubaud) viết : "Dù danh từ này chẳng làm cho người ta bằng lòng (chỉ bọn buôn nô lệ da vàng, tức bọn mộ phu), nhưng người ta cũng cần phải viết : Người công nhân An Nam đó đã ký một hợp đồng nô lệ trong 3 năm" <sup>16</sup>.

Người nông dân lam lũ bị địa chủ phong kiến miền Bắc, miền Trung bóc lột, vứt bỏ cuộc sống thôn dã đi phu vào Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo, mỗi người được phát một con số thứ tự. Và con số vô nghĩa này trở thành tên gọi của họ trong các đồn điền cao su. Cuộc sống mới của họ bắt đầu ở vùng đất mới là thế.

"Thiên đàng cao su", "cao su sống thật là nhàn". Lời tuyên truyền của tư bản thực dân, của bọn buôn nô lệ (tức bọn mộ phu) phơi bày trong cuộc sống và lao động thực tế. Người nông dân khốn cùng vào đến Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo ngỡ ngàng trước cảnh rừng âm u, hoang dã. Họ sống tạm bợ trong những lán chòi lợp lá. Từ đây, biết bao mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của người phu đổ ra và bỏ lại ở những khoảnh rừng, để cao su của bọn thực dân tư bản lên xanh tốt.

Phá rừng, phát hoang bằng dụng cụ lao động thô sơ, khai thác gỗ cho nhà máy BIF đưa về Biên Hòa làm hàng xuất khẩu, đất rừng để trồng cao su. Đó là công việc hàng ngày của người phu. Khí hậu nhiệt đới ác nghiệt, thú dữ, muỗi mòng, nước suối độc, các loại bệnh sốt rét, phù thũng rình rập đời sống người phu cao su hàng ngày hàng giờ. Rừng lùi sâu đến đâu, cây cao su lên xanh đến đó, thì biết bao lớp phu đã phải vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo, tỷ lệ phu chết có lúc lên đến 25%. Xương máu công nhân đổ xuống luôn tỷ lệ thuận với lợi nhuận bọn tư bản thu vào từ mỏ cao su. Lợi nhuận càng kích thích tư bản Pháp đầu tư nhiều vào cao su. Đến năm 1935 vốn của Công ty LCD đã lên 75.000.000 phật lạng.

Thế nhưng đời sống của người phu cao su nào có được cải thiện. Nữ ký giả Pháp Vio-li (Viollis) khi sang thăm các đồn điền năm 1949 còn phải viết : "Tôi trông thấy những người nông dân khốn nạn Bắc kỳ khỏe mạnh khi đến đây, nhưng chỉ sau 3 hay 4 năm thì chỉ còn là thân tàn ma dại : Sốt rét, phù thũng. Họ cố lê những đôi chân phù thũng, bị đục ruỗng bởi sâu quăng... phần lớn họ sẽ không còn thấy bà con thân thuộc, hay nếu họ quay trở về được làng quê, thì đây là những xác chết thật sự, không

---

<sup>16</sup> Giai cấp công nhân cao su Việt Nam, thời kỳ 1936-1939 - Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1979, trang 58.

còn sức lực, họ gieo rắc xung quanh những mầm mống bệnh tật, nổi loạn và thù hằn...".<sup>17</sup>

Khi cây cao su bắt đầu cho mủ, phu được học cạo từ 3 đến 7 ngày thì được ra nhận phần cây cạo. Kềng sáng 4 giờ, công nhân dậy lo bếp núc, ăn sáng, sau đó ra sân điếm tập hợp theo kíp trước khi ra lô cạo. Đời sống của công nhân cao su, nói như bác Ba Căn - một công nhân lâu năm ở Trảng Bom, thì "trăm tóc thì trăm tội". Ra sân điếm ngồi không thẳng hàng, bị đánh; ngồi không đúng kíp, bị đánh; dao cạo, thùng trút mủ không sạch, đòn roi... Từ sân điếm ra lô cạo trời còn mờ đất, 12 giờ trưa công nhân nghỉ ăn cơm và tiếp tục làm ngay. Đến 17 giờ, phu cạo trở về làng, ăn cơm thì trời đã tối mịt. Riêng sở cao su Trảng Bom, chủ sở tổ chức bếp ăn tập thể, trưa có người gánh cơm ra lô cho công nhân. Công nhân đọc thân, buổi chiều về có thể ăn cơm tập thể. Kỷ luật lao động trong sở rất khắc nghiệt, phu cạo ngoài lô thường xuyên có sự giám sát của cai, xu, xếp. Công nhân nghiện thuốc phải làm "điều cay" bằng cán dao, cán cuốc xạt lai và phải hút kín đáo. Chỉ cần chống cuốc nghỉ mệt, cai, xu đến đánh đập, chửi mắng là lười lao động. Công nhân lỡ cạo phạm da cây, thì cai, xu đến đập đầu họ vào gốc cao su đến bật máu không thương xót hoặc bị ăn cán dao vào đầu. Cạo xong phần cây, công nhân bắt đầu trút mủ vào thùng gánh về nhà máy, đi về máy lượt.

Công nhân thường xuyên phải ăn gạo hẩm, cá khô mục, thắng hoặc mới được 1, 2 lát thịt mỏng. Thiếu rau xanh, thiếu muối, công nhân hầu hết bị phù thũng. Bác Ba Căn nói : "Hầu như mỗi ngày đều có công nhân chết vì sưng phù". Sở Trảng Bom có hai làng (làng 1 và Vườn Ngô), mỗi làng chỉ có 1 đến 2 giếng nước. Nước không đủ dùng, công nhân phải chen chúc, sinh ra xô đẩy đánh nhau, mất đoàn kết. Khổ nhất vẫn là công nhân nữ, tóc dài thiếu nước gội lâu ngày sinh chấy rận ngứa ngáy khó chịu.

Cảnh ở của công nhân cao su cũng hết sức vất vả, ban đêm phải lấy mủ đốt làm đèn. Báo Echo Annamite ngày 19/9/1929 viết : "Chủ Tây không có làm nhà, chỉ dựng cho thấy dãy nhà tranh, trời mưa thì nước xuống tứ bề, nhiều khi cu ly phải ngồi suốt đêm, đèn lửa không có, lạnh run cầm cập...". Mãi đến những năm 1938 - 1940, chủ Tây mới bắt đầu xây nhà cho công nhân.

Năm 1935, tiền lương công nhân cạo mủ là 30 xu/ngày, phụ nữ thì ít hơn. Đến năm 1938, lương được tăng lên 37 xu/ngày. Nhưng mỗi tháng công nhân phải bị trừ 5 hào vào số tiền 6 đồng mà công nhân được phát khi ký giao kèo đi phu. Để bóc lột sức lao động công nhân, chủ Tây còn sử dụng chế độ cho công nhân làm khoán nhưng hưởng lương công nhật. Theo giao kèo, công nhân nghỉ ngày chủ nhật và chiều thứ bảy. Nhưng thực tế ở Trảng Bom, Cây Gáo, công nhân chỉ được nghỉ chiều thứ bảy khi làm xong "cỏ vè" (được hưởng gạo nhưng không tính lương). Sáng chủ nhật công nhân phải ra lô cạo, chiều về phải làm vệ sinh dụng cụ lao động (cuốc, đục, thùng) để sáng hôm sau ra sân điếm không bị đòn roi.

---

<sup>17</sup> Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi có Đảng - Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1978. trang 216.

Trong đồn điền cao su, người công nhân nếu còn sống thì bệnh đau còm cõi, lao động vất vả, thường xuyên bị đòn roi, mạng sống bị đe dọa; người chết thì không hòm, không chiếu bọc thân.

Vào sở cao su, mơ ước trở về quê của công nhân khi mãn hạn giao kèo 3 năm ngày càng xa vời. Họ không còn tiền, bao nhiêu đều chôn cả vào việc uống rượu và đánh bạc - những món "giải trí" mà tư bản thực dân mặc nhiên khuyến khích. Tiền không đủ sống, nhưng ngày tết, ngày lễ, giỗ... công nhân cần phải chạy vạy lo cho được gà, vịt biếu xén lấy lòng ông cai, ông xu, xếp... Sau 3 năm, họ cũng không còn sức lực và đa số đều phải nằm lại mãi mãi trên đất cao su, Nhà báo Pháp Pôn Doume (Paul Doumer) viết : Mãn hạn giao kèo "... người phu còn sống sót cũng không có cách nào để quay về xứ sở họ không còn tiền và quần áo. Họ buộc phải ở lại và ký thêm giao kèo nữa..."<sup>18</sup>

Bộ máy quản lý đồn điền cao su, thực chất là một bộ máy cai trị của tư bản đối với công nhân. Chủ sở là lãnh chúa quyết định số phận người phu. Cai, xu, xếp có quyền hành rất lớn, kể cả quyền đánh chết công nhân mà không mang tội. Sở Cây Gáo trước năm 1945, là vùng lam sơn chướng khí, lắm bọn cai, xu, xếp ác độc. Công ty cao su LCD lấy Cây Gáo làm nơi giam, đày ải những công nhân dám phản kháng lại chế độ cao su, bị chủ sở coi là "cứng đầu", "bất trị". Công nhân lúc bấy giờ gọi Cây Gáo là Ma Thiên Lãnh.

Khổ nhất "địa ngục cao su" là phụ nữ, không chỉ vì bị đòn roi, lao động cực nhọc, mà còn vì bị đe dọa chà đạp cả phẩm giá. Vợ chồng anh Tình quê Quảng Trị đi công tra vào sở Dầu Giây năm 1941. Tên xếp Vinh nổi tiếng ác ôn thường đánh đập công nhân lại dám dăng đã bố trí vợ chồng anh ở một căn nhà tranh ở bìa lô. Mới làm được một tuần lễ, một đêm thứ bảy, bỗng từ ngoài 4 tên lực lượng tay sai xếp Vinh bước vào nhà. Chúng đặt lên bàn một chiếc mâm, bên trên có đĩa trầu cau, trái cây và một con dao phay, và chúng buộc anh phải nhận một trong hai thứ. Hai vợ chồng anh Tình chưa kịp phản ứng, một tên đã lấy dao chĩa vào ngực anh, bọn còn lại hè vào vực vợ anh lên vai chạy ra ngoài trời tối đen như mực. Công nhân ở sở còn than :

*"Vợ mình thực là vợ mình*

*Có xu muốn lấy thực tình chẳng kiêng".*

Cuộc sống nô lệ ở đồn điền cao su của thực dân tư bản Pháp dồn người phu vào sát chân tường với sự vất vả đòn roi, bệnh tật... buộc người phu phải đứng lên đấu tranh. Đầu tiên họ đấu tranh một cách tiêu cực không ít công nhân trốn sở vào rừng, nhưng đói khát, bệnh tật đã làm họ ngã gục trong rừng sâu. Năm 1925, một số công nhân Dầu Giây, Ông Quế... đã bỏ trốn về Suối Bí, Gia Nhang. Cuộc sống vẫn vất vả nhưng tự do hơn. Họ phá rừng lập rẫy, làng Hưng Lộc được hình thành. Người phu cao su lúc này chưa hình thành ý thức giai cấp, họ bất mãn trực tiếp với số cai, xu tay sai của chủ sở. Năm 1938, kíp 70 ở Trảng Bom, hầu hết là dân mộ từ Nam Định vào, đã đồng lòng trùm chiếu đánh như tử một tên xu vì hấn quá ác, đánh đập công nhân

---

<sup>18</sup> Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi có Đảng - Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội 1978, trang 213, 214.

tàn tệ.

Từ năm 1926 đến 1930, những cuộc đấu tranh của công nhân cao su ở Căm Tiêm (Ông Quế), Phú Riêng (nay thuộc Sông Bé) đòi cải thiện đời sống, chống đánh đập, đòi về quê khi mãn giao kèo... đã ảnh hưởng đến tinh thần của công nhân Dầu Giây, Trảng Bom, Cây Gáo.

Ngày 1-1-1939, Cùng công nhân cao su tỉnh Biên Hòa, toàn thể công nhân cao su Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo đã bãi công đòi cải thiện đời sống: Trại phải có ván nằm, công nhân được lấy nước trong sở dùng trong sinh hoạt, không được vô cớ đuổi thợ... Cuộc đấu tranh này như một hồi chuông đánh thức tinh thần đấu tranh và đoàn kết của công nhân các sở.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ (tháng 9-1939), thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Việt Nam, các nhà tù Tà Lài, Bà Rá được thực dân xây dựng giữa rừng sâu nước độc để giam cầm giết hại những người cộng sản, người yêu nước. Nhiều đảng viên Cộng sản do địch truy lùng đã tránh vào các sở cao su miền Đông vừa làm công nhân, vừa xây dựng lại cơ sở.

Cuối năm 1940, đồng chí Nguyễn Văn Long đã vào hoạt động ở các sở cao su Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Túc Trung, Cây Gáo, Trảng Bom để xây dựng cơ sở phát triển phong trào cách mạng.

Năm 1941, đồng chí Hồ Văn Đại, người quê Long Thành vào Đảng cộng sản năm 1935, hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) tại Sài Gòn và Biên Hòa, về làm phụ lục lộ trên quốc lộ 20. Trong lớp áo công nhân đi về trụ cây số từ ngã ba Dầu Giây lên Bảo Lộc, đồng chí ra sức tuyên truyền lòng yêu nước, cộng sản cho công nhân. Năm 1942, đồng chí về hoạt động ở sở cao su An Lộc.

Cuối năm 1943, đồng chí Trịnh Văn Dục một đảng viên lâu năm (quê Thanh Hóa) được Đảng phân công về hoạt động ở Long Thành. Hóa trang làm người đi bán thuốc lào, đồng chí Ba Dục mở đường vào Sông Nhạn, An Viễn vì nơi đây công nhân các sở cao su Trảng Bom, Dầu Giây... thường qua lại dễ gặp gỡ. Công nhân thường gọi đồng chí là “thầy ba thuốc lào”. Ngoài công nhân cao su là đối tượng chính để tuyên truyền, vận động, đồng chí Dục còn tìm cách liên hệ, giáo dục một số cai, xu tiến bộ.

Tại sở cùi Trảng Bom (phân xưởng khai thác gỗ của nhà máy cưa BIF Biên Hòa), đồng chí Lê Nguyên Đạt, một đảng viên quê Nghệ Tĩnh vừa làm thợ, vừa giáo dục kết nạp một số công nhân vào tổ chức bí mật. Đến năm 1944, Chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương được thành lập tại sở cùi Trảng Bom do đồng chí Lê Nguyên Đạt làm bí thư. Đây là Chi bộ đảng đầu tiên ở Trảng Bom được hình thành, có liên hệ chặt chẽ với chi bộ nhà máy BIF (Đặng Nguyên bí thư) và chi bộ ga Biên Hòa (Ngô Văn Tư bí thư).

Tháng 12-1940, hàng ngàn công nhân các sở Dầu Giây, Cây Gáo, Túc Trung, An Lộc... đồng loạt bãi công đòi chủ không được đánh đập, cúp phạt công nhân, đòi thực hiện đúng giao kèo.

Tháng 7-1943, công nhân sở cao su Trảng Bom đã đấu tranh chống phát gạo hẩm, đòi được phát thuốc ngừa sốt rét. Bản kiến nghị của công nhân gửi lên chủ sở và

quận Xuân Lộc không được trả lời. Hơn 400 công nhân Trảng Bom đã úp thùng nghi cạo. Tinh thần đoàn kết của công nhân cuối cùng đã buộc chủ sở phải chấp nhận yêu sách.

Cuối năm 1943, gần 100 công nhân Dầu Giây đã kéo về trung tâm An Lộc đấu tranh đòi chủ sở phải cho công nhân về quê vì đã hết hạn giao kèo từ tháng 3-1943. Một bộ phận khác của công nhân cầm kiến nghị lên đấu tranh tại quận Xuân Lộc. Cuối cùng sợ công nhân đình công lâu ngày thiệt hại cho sở, chủ sở Dầu Giây phải giải quyết yêu sách của công nhân. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi.

Trong lúc đó, từ năm 1941, phát xít Nhật đã nhảy vào Đông Dương nhằm hất chân thực dân Pháp, chiếm đoạt vùng tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược. Nhân dân ta phải rơi vào cảnh một cổ hai tròng.

Cuối năm 1944, phát xít Nhật đặt cho hãng BIF kế hoạch khai thác 150.000 mét khối gỗ để đóng tàu chiến. Chi bộ Đảng BIF và sở củi Trảng Bom đã phối hợp và chỉ đạo bằng mọi cách phải làm vỡ kế hoạch này hoặc kéo dài thời gian khai thác làm mất thời cơ đánh phá cách mạng của phát xít Nhật. Tại nhà máy BIF, công nhân đã phá hỏng máy phát điện, máy cưa, xe cộ... Tại khu vực khai thác gỗ Trảng Bom, Cây Gáo, chi bộ Trảng Bom lãnh đạo công nhân bí mật phá đường ray, lật đổ xe goòng chở gỗ, phá hư đầu máy xe lửa, đình công không kéo gỗ ra đê-pô. Cuộc đấu tranh phối hợp của công nhân ở Trảng Bom, Cây Gáo đã làm chậm kế hoạch cung cấp nguyên liệu của phát xít Nhật.

Mâu thuẫn Nhật - Pháp ở Đông Dương ngày một gay gắt. Trên chiến trường châu Âu, quân Đồng minh ngày càng giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa quyết định cho việc kết thúc chiến tranh. Để có thêm nguồn tài chính, nguyên liệu phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược, Nhật buộc phải đẩy nhanh hơn quá trình độc chiếm Đông Dương.

Ngày 9-3-1945, Nhật làm cuộc đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương. Chủ đồn điền Cây Gáo bị Nhật bắt, chủ đồn điền Trảng Bom bỏ chạy về Sài Gòn. Các đồn điền cao su đều ngừng sản xuất. Một số công nhân ở Cây Gáo đã vượt sông Đồng Nai về Tân Uyên phá rừng làm rẫy. Cuộc sống công nhân lúc này vô cùng khó khăn, không gạo, không tiền.

Trong tình hình đó, đồng chí Trịnh Văn Dục đã lập ra hai trại sản xuất ở Suối Bí, đưa số công nhân nghỉ việc ra làm rẫy. Một trại do em đồng chí Hai Tiên quản lý, trại thứ hai do ông giáo Hữu phụ trách.

Trong lúc công nhân phải chạy ăn hàng bữa, phát xít Nhật lại càng ra sức bóc lột. Chúng cưỡng ép công nhân đi sâu, xây dựng các công trình quân sự cho chúng. Nhật tịch thu toàn bộ thóc trong kho các đồn điền dùng làm chất đốt chạy máy điện ở nhà máy Trảng Bom. Người công nhân nghèo đói nhìn ánh lửa từ những hạt thóc do công sức, mồ hôi mình làm ra càng căm hờn, uất hận bọn phát xít Nhật.

Công nhân cao su Dầu Giây bị Phát xít Nhật bắt đi đào hào tránh bom đồng minh ở hang dơi (Tân Phong), ở Lộc Ninh (Sông Bé). Công nhân sở Trảng Bom, Cây Gáo số không trốn kịp vào rừng, đều bị Nhật bắt đi sâu, đào hào, xây dựng công sự, xây đồn dọc theo quốc lộ I từ ngã ba Dầu Giây đến suối Sơn Máu (nay thuộc phường Tân Biên Thành phố Biên Hòa). Công nhân đi làm sâu phải đem gạo theo nấu ăn, làm

việc dưới sự kiểm soát bằng đòn roi của bọn lính Nhật. Những tấm thân xanh xao vàng vọt trong lớp quần áo tả tơi của công nhân phơi ra dưới ánh nắng gay gắt ban trưa, cái lạnh cóng của núi rừng. Đời sống người công nhân càng cơ cực hơn dưới ách quản lý của phát xít Nhật.

Ngay sau khi Nhật đảo chánh Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản chỉ thị vạch rõ kẻ thù trước mắt cần lật đổ là phát xít Nhật và phản động Pháp.

Tháng 5-1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong do Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo được thành lập tại Sài Gòn và nhanh chóng lan ra các tỉnh Nam bộ, từ thị trấn đến nông thôn, vào các xí nghiệp đồn điền cao su. Tổ chức Thanh niên tiền phong ngày càng rộng, tập hợp đủ các tầng lớp, giai cấp không phân biệt nam nữ, tuổi tác. Phong trào từ Biên Hòa, Xuân Lộc nhanh chóng dội vào các sở Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo, xã Hưng Lộc. Đứng đầu tổ chức thanh niên Tiền phong 3 sở cao su là các anh có tư tưởng tiến bộ như Hồ Như Tiềm, Trịnh Khắc Phùng, Nguyễn Phú. Thanh niên Tiền phong xã Hưng Lộc do anh Nguyễn Cao Hàn chỉ huy. Thanh niên xã Hưng Lộc, công nhân 3 sở hầu hết gia nhập tổ chức. Trang bị của lực lượng là gậy tầm vông, tổ chức tuần tra quanh làng, các lô cao su để bảo vệ tài sản cho dân và nhà máy. Bọn sĩ quan, binh lính Nhật trong các sở tuy còn đông, nhưng trước những thắng lợi của quân đồng minh ở Châu Âu, Châu Á tinh thần ngày càng hoang mang, tư tưởng cầu an lan tràn, hầu hết không có phản ứng gay gắt với phong trào thanh niên Tiền phong.

Từ tháng 6-1945, đồng chí Lê Nguyên Đạt đã về Biên Hòa họp cùng một số đồng chí đảng viên lãnh đạo trên tỉnh nắm được chủ trương tập hợp lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa.

Những tài liệu của Việt Minh từ Biên Hòa đưa lên, từ sông Nhạn, Suối Bí đưa về được công nhân các sở Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây sinh hoạt vào buổi chiều thứ bảy hàng tuần tạo nên một không khí mới vô cùng phấn khởi. Những bài hát hùng hồn ca ngợi đất nước, kêu gọi thanh niên được phổ biến trong công nhân và nhân dân. Tiếng ca "Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng", "này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi" theo nhịp bước đều của Thanh niên Tiền phong có sức cổ vũ rất lớn tinh thần công nhân, nông dân.

Tại sở cao su Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây, các anh Hồ Như Tiềm, Trịnh Khắc Phùng, Nguyễn Phú tập hợp một số công nhân nòng cốt<sup>19</sup> lập ban tự quản để quản lý cơ sở. Công nhân được khuyến khích phá rừng đốt rẫy trồng lang, bắp để chống đói.

Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng đồng minh. Tinh thần binh lính Nhật càng hoang mang sa sút. Ban tự quản các đồn điền huy động công nhân phá các kho thóc ở đồn điền chia cho công nhân. Đồng thời, các anh cử người về Xuân Lộc liên lạc nhóm lãnh đạo Thanh niên Tiền phong như Võ Văn Ước, Nguyễn Văn Lắm, Lê Văn Vận. Vùng Võ Đông (Gia Kiệm), đồng chí Điều Xiển đảng viên người dân tộc Châu Ro vào các làng dân tộc vận động tập hợp bà con hầu hết là dân khai

---

<sup>19</sup> Như anh Chử, anh Tâm, Ba Tạo, Năm Điền. Ba Cạn, Hai Phát...



thác gỗ cho BIF chuẩn bị sẵn sàng khi có lệnh.

Tại Hưng Lộc, ngày 23-8-1945, anh Nguyễn Cao Hàn dẫn một đội Thanh niên Tiên phong, dao, mác, gậy gộc cầm tay tiến vào đồn điền Ông Quế bắt vợ chồng tên chánh sở là Aboux. Sau đó, đội kéo về An Viễn bắt cai tổng Bàng, vợ chồng cả Sỹ, tên Quay, Năm trộm... là những tên ác ôn thường ức hiếp bà con.

Cùng thời gian, một đội Thanh niên Tiên phong khác do anh Phạm Tiên Tánh (Tu Bạch) chỉ huy kéo về diệt ác ôn ở tổng Bình Lâm Thượng. Tất cả bọn ác ôn đều bị bắt giải về Cam Ngôn và Hưng Lộc (Gia Nhang, Suối Bí).

Ngày 24-8-1945, công nhân hoàn toàn làm chủ các đồn điền Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây.

Sáng sớm ngày 25-8-1945, đồng bào Hưng Lộc, bà con dân tộc ở Võ Đông (xã Hòa Bình), cùng công nhân các sở cao su mang vác gậy, dao, mác, chà gạt, tên, ná kéo về thị trấn Xuân Lộc, từ đó theo xe lửa về dự cướp chính quyền ở Sài Gòn.

Như vậy trong hai ngày 23 và 24-8-1945, công nhân và nhân dân đã giành được chính quyền ở Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây và xã Hưng Lộc.

Cách mạng tháng Tám 1945, thật sự là ngày hội lớn ở Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây, Hưng Lộc, Võ Đông. Từ lớp người nông dân bản cùng làm phu cao su, sống trong chế độ công tra nghiệt ngã dưới sự cai quản của những chủ đồn điền, thực chất là những lãnh chúa và bọn tay sai, công nhân các sở đã đứng lên làm chủ mảnh đất và làm chủ cuộc sống. Một trang sử mới được bắt đầu từ vùng bùn nô lệ, công nhân vươn lên mảnh đất tự do, công nhân cao su đến với Cách mạng hồn nhiên và bằng mọi cách họ quyết ra sức gìn giữ những thành quả mà Cách mạng mang lại cho họ.

## II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Cách mạng thành công, Chính quyền về tay nhân dân, cuộc sống mới bắt đầu và không kém phần bỡ ngỡ. Tổ chức bộ máy Chính quyền hai quận Châu Thành và Xuân Lộc đã hình thành nhưng hoạt động chưa có hiệu quả cao<sup>20</sup>. Vùng Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây, Võ Đông (xã Hòa Bình) gần như hoạt động tự phát thiếu sự chỉ đạo. Ngoài xã Hưng Lộc, Ủy ban nhân dân lâm thời được thành lập (Hồ Quang Diệu Chủ tịch, Bùi Văn Giai phó chủ tịch, Nguyễn Cao Hàn ủy viên phụ trách quân sự), các đồn điền cao su không thành lập chính quyền mà hình thành các ban tự quản để quản lý đồn điền, công nhân, chủ yếu là vận động công nhân phát hoang làm rẫy sản xuất lương thực, bảo vệ tài sản ở sở. Trong Ban tự quản, nhiều thành viên là cai, xu, thư ký của sở có tư tưởng tiến bộ như anh Nguyễn Văn Phú ở Dầu Giây. Cuộc sống công nhân cao su thay đổi từng ngày. Nếu trước đây thứ bảy chủ sở buộc công nhân phải làm vệ sinh không ăn công, thì nay, Ban tự quản tập hợp công nhân ở sân diêm để thông báo tình hình, phổ biến các chính sách mới của cách mạng nâng cao lòng yêu

---

<sup>20</sup> Huyện Thống Nhất những năm 1945 – 1948 – 1954 thuộc địa bàn hai huyện Châu Thành (từ năm 1948 là huyện Vĩnh Cửu) và huyện Xuân Lộc.

nước và cảnh giác với âm mưu trở lại của thực dân Pháp.

Để bảo vệ xóm làng, đồn điền, các đội tự vệ đã được thành lập. Tại xã Hưng Lộc, Ủy ban xã thành lập một trung đội tự vệ gồm 3 tiểu đội, trang bị ná, tên tre, gậy tầm vông vạt nhọn, dao, mã tấu... Cả đội chỉ có 2 khẩu súng mứt dài nòng. Chỉ huy trực tiếp trung đội là anh Trần Đay, hai huấn luyện viên là Hồ Quang Minh và Nguyễn Đàn.

Tại Trảng Bom, hai đồng chí Hồ Như Tiềm, Trịnh Khắc Phùng tập hợp công nhân khỏe thành lập một tiểu đội tự vệ chiến đấu, làm nòng cốt cho lực lượng bảo vệ đồn điền cao su.

Khu vực Võ Đông bấy giờ hầu hết cư dân là đồng bào dân tộc Châu Ro. Được đồng chí Điều Xiển (đảng viên 1937) hướng dẫn, xã đã thành lập được ủy ban kháng chiến. Ủy ban này do Điều Xiển làm Chủ tịch, Điều Nhông, Phó chủ tịch, Điều Thị Thiên phụ trách phụ nữ, Điều Hùng phụ trách thanh niên. Đội vũ trang đồng bào dân tộc được thành lập với gần 30 thanh niên khỏe mạnh, giỏi lợi rừng bắn ná, như Điều Nghệ, Điều Chà, Điều Đệ, Điều Chàng, Điều Bài... với trang bị ná và tên tầm thuốc độc.

Việt Nam là vùng đất giàu tài nguyên thiên nhiên, đất đai trù phú, sức lao động rẻ tiền. Đặc biệt miền Đông Nam bộ với đất đỏ bazan màu mỡ, với diện tích cao su - vàng trắng, bạt ngàn là nguồn lợi béo bở cho thực dân tư bản Pháp. Chiếm lại các đồn điền cao su thực dân có thêm thuận lợi để vượt qua khó khăn về kinh tế sau chiến tranh thế giới lần thứ II.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng xâm lược ở Sài Gòn. Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định nhất tề đứng lên đánh trả lại kẻ thù. Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam bộ bắt đầu.

Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cả nước chi viện cho Sài Gòn. Những đoàn quân Nam tiến hành quân vào Nam, Ủy ban xã Hưng Lộc, các Ban tự quản các sở Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây... cho huy động xe bò, xe tải của đồn điền, vét kho gạo, bắt trâu, bò ở sở chuyển lên Xuân Lộc ủng hộ bộ đội Nam tiến. Những đoàn xe bò chở lương thực nối hàng nhau trên quốc lộ I, những đoàn công nhân gồng gánh nặng vượt những quãng đường dốc, những đoạn đường rừng về Xuân Lộc. Những hình ảnh sinh động đó thể hiện tinh quân dân thấm thết, thể hiện tinh thần hy sinh vì kháng chiến, giành và giữ độc lập của đồng bào và đội ngũ công nhân cao su.

Cuối tháng 10-1945, nhờ có thêm quân tăng viện từ Pháp, thực dân phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn sau gần 1 tháng bị giam hãm trong thành phố không điện, nước, chợ búa vắng tanh. Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp đánh chiếm thị xã Châu Thành (Biên Hòa). Từ tỉnh lỵ Biên Hòa, thực dân Pháp tổ chức ba cánh quân mở rộng lấn chiếm về các quận Tân Uyên (lộ 16, lộ 24), quận Long Thành (Quốc lộ 15), quận Xuân Lộc (Quốc lộ I). Đoạn quốc lộ I lúc này từ Hồ Nai 1 (phường Tân Biên Thành phố Biên Hòa) lên Trảng Bom, Dầu Giây hai bên chỉ toàn rừng và cao su, dân cư lác đác ở Trảng Bom 1. Giặc tiến theo quốc lộ 1 lên Trảng Bom không mấy khó khăn. Chúng đóng đồn, lập bót, làm doanh trại, xây dựng bàn đạp chuẩn bị tiến về hướng Xuân Lộc.

Trước đó, tin thực dân Pháp trở lại xâm lược làm nhân dân và đội ngũ công nhân dọc lộ 1, lộ 20 hết sức căm phẫn. Các ủy ban xã Hưng Lộc, Võ Đông, các Ban tự quản sở cao su Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo đã huy động lực lượng tự vệ chiến đấu, công nhân tham gia “tiêu thổ kháng chiến”. Các cây rừng, cây cao su ven lộ 1, lộ 20 bị đốn hạ, lăn ra đường cản xe giặc. Đồng thời Ban tự quản ra lệnh tháo gỡ một số máy móc, thiết bị trong kho xưởng đồn điền chuyển ra rừng. Toàn bộ công nhân được hướng dẫn rút về hướng Suối Bí, Gia Nhang, hướng nam sông La Ngà, Võ Đắc, Bảo Chánh... Một số công nhân Cây Gáo bỏ sở vượt sông Đồng Nai về Tân Uyên sinh sống, một số theo quốc lộ I ra miền Trung với hy vọng về lại quê hương. Hầu hết các công nhân thanh niên khỏe mạnh sau này đều gia nhập lực lượng vũ trang Xuân Lộc, quốc vệ đội (Công an), Chi đội 10 Biên Hòa. Nhiều công nhân làm trong các xưởng máy sau này trở thành chiến sĩ quân giới của chi đội 10, bộ đội quân khu...

Theo chân Pháp, bọn chủ đồn điền cao su trở lại chiếm sở trong tình hình hoang vắng, nhà xưởng, kho trại bị bỏ không, máy móc bị tháo gỡ. Được quân Pháp hỗ trợ, chúng cho bọn chỉ điểm lòng sục vào làng kêu gọi công nhân trở ra làm cao su. Chúng tuyên bố công nhân không ra sẽ bị bắn chết khi bị phát hiện. Ông Hồ và ông Hách hai công nhân sở Trảng Bom đã bị giặc Pháp bắn chết trong cuộc lòng sục đầu tiên.

Ngày 30-10-1945, quân Pháp từ Trảng Bom tiến về đánh chiếm Xuân Lộc, các đoàn quân Nam tiến, tự vệ chiến đấu Hưng Lộc, Dầu Giây... đã chặn đánh địch quyết liệt tại Suối Tre, An Lộc, Núi Tung, Núi Thị. Suốt ngày địch không tiến được phải lùi về lại Trảng Bom.

Cuối tháng 1-1946, sau khi củng cố bộ máy chính quyền ở cơ sở và thăm dò tình hình, thực dân Pháp tiến quân theo lộ I, lộ 20 đánh chiếm Xuân Lộc, trong đó chiếm lại các Sở cao su là mục tiêu kinh tế hàng đầu.

Công nhân các sở Dầu Giây, Cây Gáo tự tay châm lửa đốt nhà mù, nhà kho, khuân vác những vật dụng cần thiết rút vào rừng sâu không hợp tác với giặc. Ngày 24-1-1946, quân Pháp tiến lên lộ 20. Đội du kích Võ Đông khi ẩn khi hiện với ná và tên tầm độc bắn trả địch, công nhân Dầu Giây chặt cây cản đường, ngăn xe quân sự Pháp. Nhưng vũ khí thô sơ không ngăn được địch, du kích Võ Đông phải rút vào rừng sâu.

Để ổn định sản xuất, các Công ty cao su LCD, Suzanah một mặt chờ thiết bị máy móc từ Sài Gòn về sửa chữa nhà máy, một mặt tăng cường cán bộ vào rừng để gom công nhân. Số công nhân bị chúng bắt lại ở các sở hầu hết là ông già bà lão, phụ nữ, trẻ em. Tại sở Dầu Giây địch gom được 370 người, trong đó phụ nữ 280, trẻ em 30, ông già 60. Bọn chủ tư bản buộc trẻ em 12 tuổi trở lên cũng phải nhận phần cây cao. Để bù đắp vào sự thiếu hụt về nhân lực ở các sở cao su, chính quyền thực dân cho phép bắt người thiếu giấy tờ tùy thân, người bị bắt tù bổ sung vào làm công nhân cao.

Điên cuồng trước sự lẩn tránh, bất hợp tác của công nhân, quân Pháp xả súng tràn lan vào những nơi chúng tình nghi công nhân ẩn nấp. Nhiều công nhân và bà con ở Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo, Võ Đông đã bị giết hại.

Tháng 2-1946, trong một trận càn quét, giặc Pháp bắt được anh Phạm Văn Phú. Anh vốn là một thanh niên trí thức tiên bộ, thư ký sở Dầu Giây, tham gia cướp chính quyền ở Sở tháng 8-1945 và là cán bộ Việt minh địa phương. Biết xuất thân của anh,

lại biết anh là tín đồ Thiên chúa giáo, giặc Pháp cố sức dụ dỗ mua chuộc nhằm lấy lòng bà con giáo dân và lấy đó làm điển hình để kêu gọi công nhân hợp tác với chúng. Chúng dùng cả cha xứ để "khuyên răn", Phú đồng đặc trả lời và vạch trần bộ mặt xâm lược Pháp: "Tao thà chết, không bao giờ phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân".

Sáng 23-2-1946, giặc Pháp đưa anh Phạm Văn Phú ra xử bắn tại nghĩa địa 97 Dầu Giây. Trước cái chết vẫn bất khuất, anh hô to : "Mặt trận Việt minh muôn năm", "Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm". Đó là lời tâm huyết, lời nhắn nhủ bà con và công nhân cao su hãy xiết chặt tay chống giặc Pháp xâm lược.

Máu và mồ hôi của công nhân cao su trước đây đã đổ xuống để làm giàu cho tư bản thực dân. Nay máu công nhân lại đổ xuống cho cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập cho Tổ quốc. Chính sách khai phá cao su của tư bản Pháp trước đây gắn với roi vọt, nay gắn liền với súng, lưỡi lê và các hành động tàn bạo. Tờ báo Climate số ra ngày 13-2-1946 đã phơi bày rõ quan điểm này: "Lợi khí chính của việc lấy mỏ cao su phải là súng tiểu liên".

Hành động tàn ác của giặc Pháp, cộng với việc thiếu cán bộ lãnh đạo phong trào ở cơ sở, hầu hết công nhân thanh niên đã thoát ly tham gia kháng chiến làm cho phong trào kháng chiến ở Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo, Võ Đông... nhanh chóng chìm lắng. Nhưng đó chỉ là sự ổn định tạm thời đối với tư bản thực dân ở các đồn điền. Không khí độc lập những ngày Cách mạng tháng Tám, sự tàn bạo của thực dân Pháp đã tạo thành ngọn lửa âm ỉ không tắt trong lòng nhân dân và công nhân cao su. Đội ngũ công nhân cao su Trảng Bom, Dầu Giây, Cây Gáo... vẫn dõi trông về kháng chiến, nơi chồng con, anh em họ vẫn ngày đêm trực tiếp đối đầu cùng quân thù.

Đầu năm 1946, Liên hiệp Công đoàn Nam bộ cử các cán bộ về tăng cường cho phong trào công nhân hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa. Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa qua trao đổi làm việc, nhất trí cử hai đồng chí Nguyễn Văn Tấn và Trần Việt Trung (Tu Trung) về Xuân Lộc để xây dựng lại phong trào trong các đồn điền cao su.

Đồng chí Tu Trung trước Cách mạng tháng Tám 1945 từng là công nhân ở đồn điền Suzannah (Dầu Giây) nên am hiểu địa hình và quen biết nhiều công nhân, cai, trong sở. Công nhân ở sở tuy làm việc cho chủ Tây vì miếng cơm manh áo, nhưng lòng vẫn hướng về kháng chiến, trông chờ cán bộ Việt minh vào liên lạc giao nhiệm vụ là sẵn sàng tham gia. Đồng chí Tu Trung đi từng làng (Section) (Dầu Giây có 4 làng A, B, C, D) đến đâu, đồng chí tuyên truyền và kết nạp đoàn viên đến đó. Tại làng A, đồng chí tổ chức anh Duyệt, làng B có anh Tài, làng C có anh Thới, anh Thê, làng D có anh Đê... Đó là những đoàn viên công đoàn đầu tiên ở Dầu Giây, Xuân Lộc và là những hạt nhân nòng cốt sau này cho phong trào công nhân. Đến cuối năm 1946, trong các làng của sở Dầu Giây đều phát triển nhiều đoàn viên như các anh Khả, Lép... Đầu năm 1947, Ban chấp hành công đoàn Dầu Giây được thành lập gồm 5 anh, do anh Tài công nhân (làng B) làm thư ký. Các làng (A, B, C, D) đều có các tổ công đoàn.

Cung vào đầu năm 1947, Liên đoàn cao su tỉnh Biên Hòa được thành lập. Liên đoàn cử đồng chí Thăng, cán bộ về hoạt động tại Sở cao su Cây Gáo. Nhờ vậy, các tổ công đoàn đã được thành lập tại đồn điền, làm nòng cốt vận động công nhân tham gia kháng chiến.

Tại Trảng Bom, đầu năm 1946, đồng chí Trần Việt Trung (Tu Trung) qua tìm hiểu đã tuyên truyền giáo dục, kết nạp anh Hoàng công nhân khai thác gỗ Trảng Bom vào tổ chức công đoàn. Từ thị trấn Trảng Bom, thông qua anh Hoàng, đồng chí Tu Trung chỉ đạo việc xây dựng cơ sở của công đoàn trong sở cao su Trảng Bom, tập trung ở Vườn Ngô. Trong năm 1947, một số cơ sở nòng cốt đã được xây dựng trong Sở cao su Trảng Bom như các anh Hào, Tâm, Ba Tạo, Cai Trí, anh Chà, cô Ruyên...

Cơ sở trong công nhân đã có, các tổ chức công đoàn đã thành lập, Liên đoàn cao su tỉnh Biên Hòa phát động ngay phong trào "phá hoại để kháng chiến". Khẩu hiệu được nêu lên là "Mỗi cây cao su là một quân thù". Phá cao su chính là đánh vào kinh tế của thực dân. Đêm đêm, công đoàn huy động công nhân các sở dùng dao, rựa chặt cây cao su, phá kiềng, thu chén nhôm (đựng mù) ra cho binh công xưởng. Phong trào phát triển rất mạnh ở Dầu Giây, Cây Gáo. Thế nhưng thực dân tư bản trả thù cũng rất ác liệt. Chỉ cần phát hiện công nhân nào có tham gia phá hoại cao su chúng bắt giết ngay. Để phá hoại tập trung hơn và giảm bớt sự khủng bố của thực dân đối với công nhân đang cạo, sau đó Liên đoàn cao su đã hình thành đại đội phá hoại cây cao su, làm nhiệm vụ phá hoại kinh tế địch lưu động trong toàn tỉnh. Phong trào phá hoại cao su đã gây thiệt hại rất lớn về kinh tế cho tư bản thực dân Pháp. Từ năm 1949 có sự uốn nắn của xứ ủy, thay vì chặt phá cây cao su, phong trào phá hoại chuyển sang phá các sản phẩm từ nhựa cao su làm ra, vì vậy cao su là tài sản quý của nhân dân, cần cho công cuộc xây dựng khi kháng chiến thành công.

Cao su với thực dân Pháp là một nguồn lợi kinh tế lớn, đồng thời các đồn điền cao su với chúng cũng là một bàn đạp để đánh vào các vùng căn cứ, chiến khu của ta. Hầu hết các đồn điền cao su đều có đồn bót khá kiên cố. Do đó với kháng chiến, tiến công vào đồn bót địch ở các sở cao su vừa là đánh kinh tế địch, cũng là vừa triệt hạ các bàn đạp tấn công của địch, mở hành lang giao thông cho cách mạng. Với mục tiêu đó, đầu năm 1947, Chi đội 10 Biên Hòa phối hợp với Liên đoàn cao su tổ chức tiến công vào đồn Cây Gáo. Cơ sở công đoàn bí mật sở Cây Gáo đã bảo vệ, đưa đón trinh sát đại đội B từ chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai vào nghiên cứu đồn. Đồn Cây Gáo cũng là văn phòng đồn điền nằm cạnh bờ sông Đồng Nai do một đội phạt ti dăng 27 tên đóng giữ.

Một đêm tháng 2-1947, đại đội B tổ chức hai mũi tiến công hạ đồn Cây Gáo. Hàng trăm công nhân phấn khởi kéo vào văn phòng lục soát, tịch thu và đốt toàn bộ giấy giao kèo lưu trữ, nhằm xóa đi dấu tích thuở còn làm nô lệ cho tư bản. Các thanh niên trẻ khỏe của sở hầu hết thoát ly về chiến khu Đ tham gia chiến đấu.

Đồn Cây Gáo bị hạ, tuyến hành lang giao thông từ chiến khu Đ - về Trảng Bom, Xuân Lộc, Bà Rịa được nối liền.

Giáp ranh liền với các đồn điền cao su trên quốc lộ I, quốc lộ 20, Hưng Lộc là 1 xã có nhiều cơ sở cách mạng. Đây cũng là một bàn đạp để Liên đoàn cao su tỉnh Biên Hòa đi sâu vào hoạt động gây cơ sở vào các đồn điền. Do địa bàn xã quá rộng, quận ủy Xuân Lộc được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh Biên Hòa đã tách thành hai xã. Vùng Suối Bí với thôn bộ sông Cầu nhập thành xã Cam Ngôn (Hưng Lộc B) do ông Hồ Quang Diệu làm Chủ tịch, Nguyễn Cao Hàn Phó, chủ tịch phụ trách quân sự. Vùng Bàu Hàm - Gia Nhang lập xã Hưng Lộc A do đồng chí Tư Bạch làm Chủ tịch. Phong trào ở hai xã phát triển khá mạnh. Du kích Hưng Lộc nhiều lần phối hợp

cùng du kích Liên thôn 9 và 10 tiến công các đồn điền Ông Quế, Hàng Gòn rút được lương thực, máy móc, thu vũ khí. Đội du kích 2 xã cũng là lực lượng nòng cốt trong công tác phá hoại giao thông trên lộ 1, phá hoại cao su. Phong trào nuôi quân được nhân dân nhiệt tình ủng hộ. Mỗi nhà dân đều có "hũ gạo nuôi quân", nhờ vậy bộ đội, cán bộ về xã không lo đói, được nhân dân đùm bọc tận tình. Thực dân Pháp nhiều lần càn quét vào xã nhưng các cán bộ đã được nhân dân bảo vệ chúng không phát hiện được. Cuối cùng thực dân Pháp phải treo giải thưởng ai bắt sống được Phạm Tiến Bạch, Nguyễn Cao Hàn sẽ được thưởng 1.000 đồng tiền Đông Dương, ai lấy được đầu hai đồng chí thì thưởng 500 đồng.

Đầu tháng 10-1946, địch tổ chức càn quét vào xã, nhờ bọn chỉ điểm tay sai như Bùi Hồng Ngụ, Quảng Nuôi, Năm Đáng... tiếp tay, giặc Pháp bắt được các anh Hồ Quang Minh, Nguyễn Đán, Trần Đay, Trần Văn Tâm. Chúng ra sức dỗ ngon dỗ ngọt nhưng không làm suy xuyến tấm lòng kiên trung của các anh. Ngày 2-10-1946, tên Hoa Rô chỉ huy quân Pháp ở Xuân Lộc đã lập pháp trường xử bắn các anh tại đầu lô cao su Dầu Giây. Nhân dân Hưng Lộc với lòng kính thương những người con trung hiếu đã tổ chức chôn cất các anh chu đáo tại ngã ba Dầu Giây. Các ngôi mộ liệt sĩ ghi rõ tội ác giặc Pháp xâm lược, đồng thời là biểu tượng của tinh thần bất khuất, xả thân vì sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Giữa năm 1947, quận ủy Xuân Lộc được thành lập lại<sup>21</sup>. Tháng 7-1947, quận ủy Châu Thành được xây dựng<sup>22</sup>. Như vậy trên địa bàn hiện nay thuộc huyện Thống Nhất do hai quận ủy chỉ đạo: Từ Hồ Nai 1 đến Trảng Bom thuộc quận Châu Thành (đến năm 1948 đổi thành huyện Vĩnh Cửu); từ Trảng Bom lên Hưng Lộc và ngã ba Dầu Giây lên Gia Kiệm thuộc quận Xuân Lộc. Bên cạnh đó phong trào công nhân cao su có sự chỉ đạo của Liên đoàn cao su Biên Hòa và Xuân Lộc.

Từ tháng 12-1946, thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta. Do đó, chúng phải tăng cường quân đội, trang bị từ Nam ra Bắc. Đường sắt Bắc - Nam trở thành đường vận chuyển chiến lược của quân Pháp. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy không cho giặc đem tài sản cướp được trong Nam ra đánh miền Bắc, Tỉnh ủy Biên Hòa, Ban chỉ huy chi đội 10 đã đưa lực lượng vũ trang tỉnh (Chi đội 10) về hoạt động ở Xuân Lộc, chủ yếu là ngăn chặn, tiến công vào các đoàn xe quân sự địch trên tuyến đường sắt Trảng Bom - Nha Trang.

Tháng 3-1947, Chi đội 10 Biên Hòa chuyển quân về đóng tại núi Chứa Chan. Được quận ủy Xuân Lộc chỉ đạo và công đoàn cao su vận động, nhân dân Hưng Lộc, Cam Ngôn và công nhân cao su Dầu Giây tuy đời sống còn vất vả vẫn quyên góp gạo thóc, thực phẩm ủng hộ bộ đội. Đội du kích Hưng Lộc tổ chức thọc vào sở cao su Ông Quế, vận động công nhân bắt bò của sở cung cấp thịt cho chi đội.

Không phụ lòng công nhân và nhân dân vùng Xuân Lộc, Chi đội 10 Biên Hòa đã thực hiện một loạt trận đánh trên đường sắt Bắc - Nam giành thắng lợi phối hợp nhịp nhàng chiến trường toàn quốc, đồng thời cổ vũ thêm tinh thần công nhân và nhân dân trong vùng.

---

<sup>21</sup> *Quận ủy Xuân Lộc : Đồng chí Ngô Tiến, Bí thư, Hoàng Đình Thương, Phó bí thư.*

<sup>22</sup> *Quận ủy Châu Thành : do đồng chí Phạm Văn Diệu tức Lê Lên làm Bí thư.*

Trong không khí đó, ngày 19-5-1947 (kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Ban chấp hành công đoàn sở Dầu Giây đã tổ chức một cuộc đấu tranh tại sở. Cơ sở công đoàn bí mật treo cờ đỏ sao vàng, giăng khẩu hiệu, rải truyền đơn khắp làng đòi cải thiện đời sống, chống khủng bố. Toàn thể công nhân Dầu Giây úp thùng không đi cạo. Tên chủ chánh Si-ra báo tin cho đồn binh Suối Tre đưa 4 xe bọc thép lên đàn áp cuộc đấu tranh. Chúng bắt một công nhân già phải hạ cờ, xé khẩu hiệu, nhưng ông cương quyết không nghe. Giặc đã bắn chết ông tại làng. Công nhân Dầu Giây vẫn tiếp tục úp thùng không cạo trước sự đàn áp của bọn lính. Ngày hôm sau, Ban chấp hành chỉ đạo công nhân tổ chức đám tang cho lão công nhân với qui mô toàn sở. Tinh thần đoàn kết, không khoan nhượng của công nhân buộc bọn lính đồn Suối Tre phải rút lui. Và đến ngày 7-6-1947, cơ sở công đoàn Dầu Giây đã phục vụ cho bộ đội quân Xuân Lộc phục kích diệt tên ác ôn Pierrd Bastid.

Sau một loạt trận đánh giao thông đường sắt ở Xuân Lộc, Chi đội 10 Biên Hòa chuyển hướng về gần Biên Hòa hơn để chuẩn bị tiếp những trận đánh lớn hơn, gây tiếng vang hơn. Trên đường dừng quân ở Trảng Bom, không chỉ tiếp tế cho bộ đội lương thực, công nhân còn phát hiện và chỉ cho xưởng quân giới chi đội thu được 6 quả bom, 250 cân anh<sup>23</sup>. Từ những quả bom này, các chiến sĩ quân giới đã cưa lấy hạt nổ và chế tạo thành những quả mìn chắm điện để đánh xe lửa Pháp. Phát hiện này rất quan trọng, từ chỗ trước đây đi đánh xe lửa Xuân Lộc, bộ đội phải tháo ốc, dùng dây kéo rời đường ray để xe lửa trật bánh thì nay đã có những quả mìn chắm điện, hiệu lực cao.

Về phía giặc Pháp, sau những trận đánh đường sắt của ta ở Xuân Lộc, chúng tổ chức các đoàn công voa chu đáo hơn. Đầu máy xe lửa được bọc một lớp thép dày chống đạn bắn thẳng. Toa ét cọt (toa sắt dày dùng hộ tống) làm mới rộng hơn toa xe, có lỗ châu mai bắn quét trên nóc toa và hai cạnh sườn đoàn tàu. Bên trong ét cọt chia ra từng ngăn, mỗi ngăn có lỗ châu mai. Đằng sau, cuối cùng đoàn tàu là một chiếc xe tăng được đặt lên goong có gắn đại bác 40 ly và trung liên 12,7 ly.

Địa điểm trận đánh xe lửa được Ban chỉ huy chọn tại Bàu Cá, chia làm hai mặt trận A, B, mỗi mặt trận đặt 1 quả mìn, giữa hai mặt trận lại đặt quả mìn thứ ba. Mặt trận A cách ga Bàu Cá gần 2km do đại đội B phụ trách; mặt trận B cách mặt trận A 2km về hướng Biên Hòa do đại đội A phụ trách. Mặt trận chặn viện từ đường 1 vào do đại đội C và bộ đội quận Châu Thành phụ trách.

Ban chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Văn Lung, Lương Văn Nho ở tại mặt trận A, chỉ đạo đội trinh sát bám chặt ga Trảng Bom để nắm thứ tự địch bố trí trong đoàn xe lửa.

Tin trinh sát cho biết ngày 14-7-1947 có đoàn công voa xe lửa từ Sài Gòn đi Nha Trang. Ban chỉ huy đã quyết định lấy ngày ấy thực hiện trận đánh, cũng là ngày kỷ niệm Quốc khánh nước Pháp – ngày nhân dân Pháp phá ngục Bastille, ngày trước đây thực dân thường tổ chức nhiều cuộc vui chơi để hạ thấp nhân phẩm của nhân dân ta<sup>24</sup>.

2 giờ sáng ngày 14-7, tổ địa lôi đưa các quả mìn vào các trận địa an toàn. Xe

<sup>23</sup> Bom của quân đồng minh đánh phát xít Nhật trước năm 1945 còn sót lại chưa nổ.

<sup>24</sup> Như các trò liêm chảo, leo cột mỡ...

tuần đường sắt từ Bàu Cá vừa qua, đoàn xe lửa thứ nhất đã lao lên, thả khói đen mù mịt lên khoảng không. Quả địa lôi trận địa A nổ một tiếng long trời lở đất, những toa xe lửa bằng sắt bốc lên cao và rơi xuống cách đường ray hàng chục thước. Một phút sau, mìn ở trận địa B lại nổ tiếp. Trận đánh Bàu Cá diễn ra hết sức ác liệt, máy bay giặc lên phản kích vào trận địa. Quân Pháp từ Biên Hòa, yếu khu Trảng Bom tăng viện theo đường 1 bị đại đội C và bộ đội quận Châu Thành chặn đánh cầm chân trên đường nhựa không tiến được.

Hai trăm giặc Pháp bỏ xác tại trận địa Bàu Cá, trong đó có 2 sĩ quan cấp đại úy. Ta thu trên 100 súng các loại, 3 máy vô tuyến hàng chục tấn gạo và đồ quân trang, quân dụng.

Báo Le Mond ở Pháp sau đó đã đăng tin ở trang nhất có hình hai đoàn xe lửa đổ nằm ngổn ngang. Họ ca ngợi : không biết Việt minh tính toán thế nào mà đánh trúng hai đoàn xe lửa xô xích nhau có mấy tích tắc. Bài báo kết luận, với vũ khí thu được, với tài nghệ này của Việt minh, quân đội Pháp sẽ bị những đòn đau đớn hơn và khó duy trì được đường sắt Sài Gòn - Gia Ray.

Sau choáng váng ở trận Bàu Cá, thực dân Pháp càng ra sức tăng cường tuần tra đường sắt. Tên Hoa Rô chỉ huy quân đội Pháp ở chi khu Xuân Lộc kết hợp lực lượng yếu khu Trảng Bom càn quét liên tục vào các khu rừng hai bên đường sắt hầu phát hiện lực lượng quân kháng chiến. Chúng tổ chức đi Patruit (bố càn) trong các làng ở của công nhân cao su để ngăn chặn và cắt đứt liên lạc giữa công nhân và cán bộ Việt minh bên ngoài.

Trong các cuộc hành quân càn quét, giặc rất chú trọng đánh phá kinh tế kháng chiến, chúng đốt phá vườn tược, ruộng vườn giết hại gia súc, phá nông cụ sản xuất. Mỗi tên lính lê dương, phạt-tidăng ngoài vũ khí, còn mang theo một cây sào tre đầu đan thành nan để tuốt lúa trên các cánh đồng. Bộ đội quận Xuân Lộc, du kích các xã rất tích cực chặn đánh địch, nhưng do lực lượng chênh lệch, thiếu súng đạn, lương thực nên không hạn chế được hoạt động của giặc Pháp.

Ở các đồn điền cao su, ngoài đồn lính phạt-tidăng, thực dân còn điều các đơn vị lính Cao Đài về đóng chốt làm nhiệm vụ bảo vệ sở, kim kẹp công nhân. Tại sở Trảng Bom, hầu hết công nhân bị cưỡng ép dồn vào Vườn Ngô, xung quanh có rào kẽm gai. Chúng liên tục càn quét tại Võ Đông, Dầu Giây, Hưng Lộc, dồn dân vào các khu tập trung ở ngã ba Dầu Giây để dễ kiểm soát, đồng thời tạo ra một khu vực an toàn cho vùng tạm bị chiếm.

Đồng bào dân tộc Châu Ro ở Võ Đông một lòng một dạ với kháng chiến, thà đói khổ cùng cách mạng chứ nhất quyết không ra vùng tề. Bà con theo đội du kích lúi sâu vào rừng. Tại xã Hưng Lộc A trước đánh phá gay gắt của giặc, quận ủy Xuân Lộc chủ trương đưa dân di tản về các vùng căn cứ chiến khu Đ, Phước An... ủy ban xã và các đoàn thể có kế hoạch cụ thể tổ chức nhiều chuyến đi bộ, đi ghe đưa hàng trăm nhân dân đi sơ tán. Tại căn cứ Phước An, Chiến khu Đ, Xuyên Mộc, chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương đã đón tiếp và tạo điều kiện cho bà con chỗ ăn ở, sinh hoạt để nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống mới.

Ở xã Cam Ngôn (Hưng Lộc Bắc) tuy khó khăn, nhưng chính quyền, du kích xã vẫn bám rừng căn cứ ở Suối Mũ, Suối Bí, Bàu Tre, Bàu Cối để đêm đêm vào dân công



tác.

Hầu hết các cán bộ công đoàn cao su (như các đồng chí Tư Trung, Nghệ, Tâm) sở Cây Gáo, Dầu Giây vẫn bám rừng đào củ ăn để xâm nhập vào cơ sở, vận động công nhân, nắm tình hình địch. Các đội phá hoại cao su do Liên đoàn cao su Biên Hòa thành lập vẫn liên tục hoạt động chặt phá vạt vỏ cây cao su, tịch thu chén mù, đập kiềng gây khó khăn cho tư bản trong việc khai thác sản xuất cao su.

Tháng 2-1948, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa và Ban chỉ huy Chi đội 10, lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh chuẩn bị rời chiến khu Đ để đánh giao thông địch trên quốc lộ 20.

Đội trinh sát chi đội 10 đã về bám trụ hàng tháng trời ở Cây Gáo, Định Quán, Túc Trưng để điều nghiên chiến trường. Nhân dân Cam Ngôn, công nhân Dầu Giây, Trảng Bom, bí mật quyên góp gạo, bắt bò của đồn điền làm thực phẩm dự trữ. Đến cuối tháng 2, nhân dân và công nhân vùng Xuân Lộc đã chuẩn bị đủ lương ăn nhiều ngày cho 1.000 quân (7 tấn gạo).

Phối hợp chặt chẽ với du kích quận Châu Thành, công nhân Trảng Bom, Dầu Giây tích cực tham gia vào kế hoạch buộc đoàn xe giặc phải đi đúng thời gian qui định. Từ Hồ Nai đến ngã ba Dầu Giây, công nhân chặt cây rừng, hạ cây cao su lăn ra đường làm vật cản. Du kích quận phục kích hai bên lộ 1 bắn tia buộc đoàn xe Pháp phải dừng lại nhiều lần đôi phó và phá chướng ngại vật trên đường. Địch đến Hồ Nai vào sáng ngày 1-3-1948, nhưng mãi đến trưa mới đến được Dầu Giây.

Chiều cùng ngày, đoàn xe 70 chiếc của quân Pháp lọt vào trận địa phục kích của chi đội 10 trên lộ 20 kéo dài từ cây số 104 đến 113. Trận đánh giao thông La Ngà đã diễn ra theo đúng kế hoạch đề ra, 59 xe quân sự Pháp bị tiêu diệt, 150 lính lê dương hộ tống bỏ xác, 25 sĩ quan Pháp, trong đó có 2 Đại tá bị giết chết. Chiến thắng La Ngà gây tiếng vang lớn cả trong và ngoài nước. Đây là trận đánh giao thông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ. Đó là thắng lợi của sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội với nhân dân và công nhân các sở cao su dọc lộ 1 lộ 20. Sau chiến thắng, đại đội 6 Xuân Lộc được đổi tên thành đại đội La Nha (đọc theo tiếng Pháp).

Tuy nhiên sau trận đánh, giặc Pháp càng tăng cường càn quét đánh phá vào các sở cao su hơn. Chúng biết công nhân là lực lượng giúp đỡ tích cực cho Việt minh. Hệ thống tháp canh đồn bót (De latour) bắt đầu được xây dựng dọc lộ 1, lộ 20 để kiểm soát giao thông và lấn vào các vùng căn cứ du kích của ta. Công nhân cao su bị tập trung vào từng khu vực xung quanh có rào cây và kiểm soát. Hoa Rô, chỉ huy quân Pháp ở Xuân Lộc tung bọn tình báo, điếm chỉ vào các đồn điền cao su theo dõi công nhân, đánh vào các tổ chức công đoàn của ta. Đồng chí Kỳ - cán bộ của Liên hiệp công đoàn Nam bộ được cử xuống Trảng Bom, trên đường đi báo cáo bị địch phục kích bắn chết tại Vườn Ngô. Liên lạc giữa công đoàn, huyện ủy Vĩnh Cửu và cơ sở cao su Trảng Bom bị cắt đứt.

Ngoài những khu tập trung tại chỗ, thực dân Pháp còn lập một khu tập trung dân tại ngã ba Dầu Giây. Nhân dân Hưng Lộc không kịp sơ tán đều bị bắt dồn vào khu tập trung này. Hồ Quang Diệu do không chịu đựng được gian khổ đã ra hàng và được địch cử làm xã trưởng. Nhưng trước nhân dân Hưng Lộc, những người đã chắt chiu từng hạt gạo, hạt muối cho kháng chiến, xã Diệu không dám lộng hành và tàn ác với

dân. Cũng nhân cơ hội địch lập bộ máy chính quyền cơ sở, xã Hưng Lộc đã bố trí hương sư Trần Văn Giai giả ra vùng tạm chiếm làm tề - hoạt động nội tuyến. Đầu năm 1949, nhân lễ cúng kỳ yên, lấy cơ vui hội hè, ông Giai lập sòng bạc tại nhà để thu hút bọn lính vào bài bạc. Ông liên lạc cơ sở đưa đại đội La Nha vào đánh úp thu 11 khẩu súng.

Vững vàng trước mọi khó khăn là phong trào công nhân cao su Dầu Giây. Tổ chức công đoàn bí mật của sở nhờ hoạt động ngầm cách vẫn giữ được lực lượng, giữ được liên lạc trong ngoài. Ban chấp hành công đoàn ở sở vẫn nhận được sự chỉ đạo của Công đoàn huyện Xuân Lộc (do đồng chí Lê Văn Kiểu làm thư ký). Nhờ vậy, công đoàn Dầu Giây vẫn lãnh đạo đấu tranh được.

Ngày 1-5-1948, ngày Quốc tế Lao động, nhân vụ địch khủng bố bắt giết anh Dư công nhân ở sở, Ban chấp hành công đoàn đã tổ chức một đám tang lớn huy động toàn thể công nhân tham gia, vừa đưa đám vừa biểu dương lực lượng. Hàng trăm công nhân đã kéo về trung tâm, kéo đi các làng, vừa đi vừa hô khẩu hiệu đả đảo, chống khủng bố. Từ chi khu Xuân Lộc, thực dân đưa 4 xe bù lu (thiết giáp bánh cao su) về sở định đàn áp công nhân. Nhưng trước lý lẽ và tinh thần đoàn kết của công nhân, bọn lính đã không can thiệp về chuyên đi đưa tang.

Trong những năm 1949, 1950, 1951 chủ trương của thực dân Pháp là giữ giao thông, đánh mạnh vùng căn cứ (Tân Định, Đại An), du kích gom dân ra vùng tạm chiếm, tạo ra vùng đất chết giữa vùng tạm chiếm và du kích.

Đối phó với hoạt động của địch, Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương tăng cường đánh phá giao thông địch, xây dựng củng cố cơ sở cao su, tiếp tục đánh phá kinh tế địch. Đầu năm 1949, trung đoàn 310 thành lập đội chuyên môn đánh đường sắt đoạn Biên Hòa - Trảng Bom - Xuân Lộc. Đội do đồng chí Hoàng Phùng Đức tiểu đoàn phó tiểu đoàn Lê Lợi làm đội trưởng. Đồng thời, tỉnh điều đại đội Lam Sơn về đứng chân ở Đồng Lách - Sông Mây chống địch từ yếu khu Trảng Bom càn quét đánh phá mùa màng. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1949, đội chuyên môn đã tổ chức đánh 15 trận, phá hủy 13 đầu máy xe lửa Paci-fic, làm hư hỏng nhiều đoạn đường sắt Biên Hòa - Trảng Bom.

Tại khu Trảng Sim (Long Thành), ngày 15-6-1949, chi bộ Đảng cộng sản xã Hưng Lộc được thành lập. Chi bộ gồm 13 đảng viên : Hoàng Xuân, Võ Sun, Bùi Mộng Lan, Lê Văn Vững, Võ Sộp, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Văn Việt, Nguyễn Cao Hàn, Sáu Ất, Hai Bôi, Ba Điện, Năm Khâm. Đồng chí Nguyễn Văn Việt - người đảng viên đầu tiên của Hưng Lộc được cử làm bí thư chi bộ. Hầu hết đảng viên đều ở các vùng căn cứ, một bộ phận của ủy ban kháng chiến hành chính Cam Ngôn còn lại ở Bàu Cối, chủ yếu hoạt động tài chánh như thu thuế lâm nghiệp khai thác rừng góp cho huyện, tỉnh <sup>25</sup>.

Những năm 1949 - 1950, tuy còn cơ sở bên trong, nhưng không liên lạc được, nên Trảng Bom được xem như vùng trắng do giặc kiểm soát. Đội chuyên môn đánh đường sắt, kết hợp đại đội Lam Sơn phải bám Cây Gáo làm nhiệm vụ phá đường sắt,

---

<sup>25</sup> Thu thuế các chủ be như Nguyễn Hữu Đào, Huỳnh Trước.

chống cản bảo vệ vùng độc lập ở Tân Định, Đại An.

Ngày 22-4-1950, đội chuyên có đại đội Lam Sơn phối hợp phục kích tại đoạn đường sắt Trảng Bom. Đoàn tàu quân sự Pháp từ Nha Trang về đã trúng mìn. Ta phá hủy 2 va goong thép và diệt 20 tên lê dương.

Tháng 7-1950, Trung ương Đảng mở chiến dịch biên giới thắng lợi, mở thông hành lang biên giới Việt Trung. Tại miền Đông, Bộ tư lệnh khu 7 mở chiến dịch Bến Cát.

Phối hợp chiến dịch, huyện ủy Vĩnh Cửu phát động đợt hoạt động đánh giao thông, phá hoại kinh tế địch.

Ngày 11-8-1950, đội chuyên môn chặn đánh đoạn đường sắt Cây Gáo - Trảng Bom, đường sắt vận chuyển gỗ cho nhà máy cưa BIF Biên Hòa. Ta phá hủy 1 đầu máy Ruby, diệt được tên đội người Pháp, một tay ác ôn khét tiếng từng đánh đập tra tấn và giết chết hơn 80 đồng bào ở Vĩnh Cửu, 5 tên Việt gian bị hạ.

Trong lúc đó, đội vũ trang tuyên truyền cao su thiếu số do đồng chí Tư Lạc chỉ huy đã móc ráp được cơ sở trong sở Trảng Bom. Các anh Ba Căn, Cai Trí, Hai Chà... được rút ra về chiến khu Đ dự lớp tập huấn phá cao su 10 ngày.

Đến cuối tháng 7-1950, cơ sở cao su Trảng Bom đã tổ chức đốt phá nhà kho của đồn điền. Ông Thực công nhân nhà mỏ đã châm lửa đốt kho. Những bành mủ crep, mủ tờ đã cháy suốt ngày đêm gây thiệt hại lớn cho chủ tư bản. Do chưa có kinh nghiệm hoạt động, sau trận phá hoại này, hầu hết các cơ sở trong đồn điền đều bị bắt. Tình hình mất liên lạc ở Trảng Bom lại diễn ra.

Những năm 1950, 1951, cả hai huyện Vĩnh Cửu, Xuân Lộc đều gặp khó khăn. Chính sách bình định của thực dân Pháp chủ yếu là đốt sạch, giết sạch và gom dân đã biến các xã du kích thành xã tạm chiếm. đâu hết du kích, chỉ bộ đội “ly hương” chạy dạt về chiến khu Đ. Trên hướng Hưng Lộc, Võ Đông cũng hoàn toàn rơi vào tay giặc Pháp (từ cuối năm 1949, huyện ủy ủy ban kháng chiến hành chính huyện đều giải thể).

Tháng 5-1951, Trung ương Cục đã phân chia lại chiến trường. Toàn miền chia làm 2 phân liên khu miền Đông và miền Tây. Tỉnh Thủ Biên (Thủ Dầu Một, Biên Hòa) được thành lập. Để xây dựng lại vùng trắng Xuân Lộc, tỉnh thành lập đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc (gồm cả đội công an xung phong). Đội có 103 đồng chí chia làm 5 tổ xây dựng lại cơ sở vùng thiếu số và cao su. Đến tháng 9-1951, đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được cơ sở ở Hưng Lộc, đó là vợ chồng chị Nguyễn Thị Bông (tức Hai Thị) chồng làm be, chị Bông làm nghề bán thuốc Nam dạo từ Hưng Lộc về Trảng Bom. Đồng thời ty công an tỉnh Thủ Biên làm giấy tờ hợp pháp, bố trí chị Hai Sấm và chị Mười cơ sở ngành về sống tại thị trấn Trảng Bom. Hai chị mở quán cơm, qua đó nắm tình hình địch ở yếu khu và các đồn bót.

Yếu khu Trảng Bom là một cứ điểm quân sự của Pháp làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông lộ I, đường sắt Bắc - Nam, đồng thời là xuất phát điểm đánh vào vùng căn cứ chiến khu Đ, vùng độc lập ở Đại An, Tân Định, ngăn chặn đường liên lạc của ta từ chiến khu Đ về Long Thành, Bà Rịa. Yếu khu có 1 tháp canh lớn ở giữa, xung quanh là 4 lô cốt, ngoài là hàng rào kẽm gai. Đứng tại yếu khu là đại đội 3, tiểu đoàn 11 trung đoàn thuộc địa số 22 Pháp.

Tỉnh đội Thủ Biên đặt kế hoạch phải diệt được yếu khu Trảng Bom, phá bàn

đạp của địch đánh vào chiến khu Đ và mở lại hành lang giao liên từ căn cứ về Bà Rịa.

Từ tháng 5-1951, huyện đội Vĩnh Cửu đã cử 1 tiểu đội trinh sát về bóm thị trấn Trảng Bom để điều nghiên, đội hóa trang thành công nhân đập đá sỏi Bàu Cá, hàng ngày theo xe về ngang yếu khu để nắm qui luật canh gác của địch. Bọn lính yếu khu hàng ngày ăn cơm tại quán chị Hai Sấm, quen mặt chúng giới thiệu chị nấu cơm tháng cho tên thông ngôn. Hàng ngày chị đưa cơm vào yếu khu cho tên này, nhờ vậy nắm khá chắc tình hình địch bên trong. Ngoài ra chị Hai Thị từ Hưng Lộc xuống buôn bán ở Trảng Bom cũng nắm được một số tin tức có ích.

Kết hợp tin trinh sát và cơ sở, tỉnh đội Thủ Biên đã lên phương án tác chiến cụ thể. Lực lượng tham gia có tiểu đoàn 303 Thủ Biên, bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu, Tân Uyên, đội biệt động tỉnh. Đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc có nhiệm vụ chặn viện trên lộ I nếu địch từ chi khu Xuân Lộc xuống hỗ trợ.

16 giờ ngày 20-7-1951, 75 chiến sĩ biệt động hóa trang thành công nhân Sỏi đá theo xe chở công nhân tiến về Trảng Bom. 16 giờ 15 phút xe dừng lại trước cổng yếu khu, trong lúc bọn lính đang chơi bóng trên sân banh. Tên gác cổng bị diệt, các chiến sĩ biệt động nhanh chóng thọc sâu dùng bộc phá đánh vào tháp canh và các lô cốt. Tiếng hô xung phong, tiếng kèn thúc quân của Ngọc Bé vang lên cổ vũ tinh thần chiến đấu.

Tiểu đoàn 303 từ bìa rừng vận động phối hợp tiên công chiếm lĩnh tháp canh, cùng bộ đội Vĩnh Cửu tấn công đồn lính pát-tidăng trong thị trấn gần sân banh.

Địch hoàn toàn bị bất ngờ trở tay không kịp, hầu hết đều bỏ chạy, không kịp lấy vũ khí chống trả. Ta diệt tại chỗ 50 lính lê dương, làm chủ yếu khu và thị trấn Trảng Bom. Ngay trong đêm, bộ đội được công nhân sỏi giúp sức đã thu gọn chiến lợi phẩm gồm máy móc, súng đạn (có 1 đại liên, 50 trung liên) chất lên xe ô-tô của sỏi đi ngược về hướng sông Đồng Nai để chuyển về chiến khu Đ. 5 giờ sáng ngày 21-7, lực lượng ta rút về chiến khu Đ an toàn.

Đây là trận đánh tiêu diệt đầu tiên một yếu khu ở miền Đông Nam bộ. Trận đánh gây tiếng vang rất lớn, làm bọn lính ở yếu khu sa sút tinh thần trong một thời gian dài phải chuyển sang hoạt động phòng ngự là chính. Nhân dân và các cơ quan huyện Vĩnh Cửu có điều kiện đẩy mạnh sản xuất ở Đồng Lách, Sông Mây, Rạch Đông không sợ giặc quấy phá. Trận đánh diễn ra trong vùng tạm chiếm "vùng đất chết" (Zone mort theo từ dùng của dân Pháp) do đó hiệu quả về chính trị của nó càng lớn, càng làm cho nhân dân vùng tạm chiếm tin tưởng vào cuộc chiến đấu giành độc lập.

Sau trận đánh Trảng Bom, địch càng ra sức phòng thủ, kiểm soát chặt chẽ công nhân cao su. Các đồng chí trong công đoàn sỏi Dầu Giây đều phải thoát ly ra ngoài rừng.

Tháng 10-1952, miền Đông Nam bộ xảy ra một trận bão lụt lớn gây thiệt hại nặng cho tỉnh Thủ Biên, nhất là hai huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu. Nước sông dâng ngập cầu La Ngà, vùng sản xuất ở Đồng Lách, Sông Mây bị ngập, toàn bộ lúa, hoa màu đều hư thối. Nạn đói đe dọa nghiêm trọng đời sống nhân dân và các lực lượng kháng chiến. Công nhân Trảng Bom, Dầu Giây, tuy cuộc sống vất vả, chật vật vẫn quyết tâm góp gạo thóc, lương thực chuyển cho đoàn vận động cứu tế của huyện Vĩnh Cửu. Bà con còn chặt hom mì chuyển giao cho đoàn để chống cứu đói.

Lợi dụng khó khăn bão lụt, thực dân Pháp càng tăng cường đánh phá vào chiến khu Đ và các vùng độc lập nhất là hoạt động biệt kích, hoạt động tâm lý chiêu hồi chiêu hàng, càng gây thêm tình trạng căng thẳng.

Thực hiện phương châm 3 vùng (căn cứ, du kích, tạm chiếm), Tỉnh ủy Thủ Biên quyết định tách thị trấn Trảng Bom khỏi huyện Vĩnh Cửu. Thị trấn do Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo. Đội vũ trang tuyên truyền thị trấn được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Bồn phụ trách. Đến tháng 12-1952, đội có 34 chiến sĩ. Nhiệm vụ của đội là kết hợp hoạt động vũ trang và tuyên truyền chính trị xây dựng cơ sở ở thị trấn và cơ sở cao su. Đề tăng cường cán bộ cho vùng sâu yếu, công đoàn tỉnh Thủ Biên cử nữ đồng chí Nguyễn Thị Điều (Năm Bình Minh) và hai đồng chí nữa về Trảng Bom. Các đồng chí vào làm công nhân trong đồn điền để gây dựng lại cơ sở ở Vườn Ngô. Đầu năm 1953, các đồng chí đã liên lạc và tổ chức một số cơ sở tại sở Trảng Bom như anh Hào, anh Chử, Tâm, Ba Tạo... thông qua các cơ sở này, ta vận động được lương thực chuyển ra ủng hộ đội vũ trang tuyên truyền, giải thích đường lối kháng chiến cho công nhân, gây lòng tin cho công nhân và nhân dân ở thị trấn Trảng Bom.

Cuối năm 1953, Trung ương Đảng mở chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, đến tháng 3-1954 gọi là chiến dịch Điện Biên Phủ. Tỉnh ủy Thủ Biên phát động đợt phối hợp chiến dịch. Đội vũ trang tuyên truyền thị trấn Trảng Bom phối hợp đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc hoạt động mạnh trên quốc lộ I, quốc lộ 20, khu tập trung ngã ba Dầu Giây, tiến công nhiều tháp canh địch. Nhân dân Võ Đông, Hưng Lộc sống ở các vùng căn cứ Bàu Lâm (Xuyên Mộc), chiến khu Đ, Phước An (Long Thành) đã phát huy tinh thần lao động cần cù ra sức khắc phục hậu quả bão lụt tăng cường sản xuất lương thực, tham gia tích cực phong trào đóng đăm phụ, thuế nông nghiệp đảm bảo đủ gạo, lương thực nuôi quân phục vụ chiến dịch.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Thực dân Pháp phải nghiêm chỉnh hòa đàm trong thế bị động ở Giơnevơ. Ngày 20-7-1954, hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc. Nhân dân huyện Thống Nhất, chủ yếu là công nhân các sở cao su, đồng bào dân tộc từ tinh thần cách mạng tháng Tám 1945 đã bước vào cuộc chiến đấu hết sức hồn nhiên và cũng đầy dũng khí.

Do đặc điểm tình hình, là vùng nhiều rừng núi, nhiều cao su, tiếp giáp những căn cứ kháng chiến, lại có những đường giao thông chiến lược quan trọng, Thống Nhất là địa bàn hoạt động của lực lượng vũ trang tỉnh nhằm cắt giao thông địch, đánh phá kinh tế và mở tuyến giao thông huyết mạch từ chiến khu Đ về Long Thành, Bà Rịa. Với thực dân Pháp chúng càng ra sức bảo vệ giao thông, bảo vệ các cơ sở kinh tế (đồn điền cao su). Cuộc chiến đấu của nhân dân địa phương vì thế không kém phần gian khổ, ác liệt.

Nhân dân Hưng Lộc (chủ yếu cũng là công nhân các sở cao su bỏ ra), Trảng Bom, công nhân các đồn điền cao su Trảng Bom, Cây Gáo, Dầu Giây, đồng bào dân tộc Võ Đông đã vượt qua mọi gian khổ để đóng góp cho kháng chiến. Ngay từ khi thực dân Pháp trở lại, đồng bào dân tộc, công nhân trẻ đã trở thành du kích chiến đấu tại địa phương, nhiều người vào bộ đội tỉnh, quận, nhiều công nhân có tay nghề trở thành chiến sĩ quân giới tinh, khu làm ra vũ khí giết giặc. Nhân dân vùng tạm chiếm,

vùng sâu dù địch kèm kẹp vẫn hướng về cách mạng. Phong trào "Phá hoại để kháng chiến", "hủ gạo nuôi quân" thể hiện rõ tình quân dân của bà con. Công nhân và nhân dân địa phương đã đóng góp nhân lực, vật lực tạo điều kiện cho bộ đội làm nên những chiến thắng vang dội Bàu Cá (14-7-1947), La Ngà (1-3-1948), Trảng Bom (20-7-1951). Một bộ phận nhân dân, công nhân tản về các vùng căn cứ kháng chiến tham gia tích cực lực lượng sản xuất, bảo vệ căn cứ, làm tròn nghĩa vụ, nhiệm vụ công dân với công cuộc kháng chiến.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp là thử thách lớn với nhân dân và đội ngũ công nhân ở Thống Nhất, đồng thời cũng là sự rèn luyện lòng kiên định, chịu đựng gian khổ và biết vượt gian khổ để đối đầu với một cuộc chiến đấu mới trong điều kiện mới đầy ác liệt, phức tạp.

## **CHƯƠNG II :**

### **THÀNH LẬP BAN CÔNG TÁC DI CƯ TỔ CHỨC CƠ SỞ, GÂY DỰNG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1954 - 1965)**

#### **1. CHÍNH SÁCH DI CƯ VÀ THỦ ĐOẠN THÂM ĐỘC CỦA MỸ DIỆM**

Ngày 20-7-1954 hiệp định Giơnevơ được ký kết, vĩ tuyến 17 được lấy làm ranh giới quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc và qui định hai năm sau (7-1956) sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Hiệp định Giơnevơ là một thất bại của thực dân Pháp, buộc chúng phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Thế nhưng với âm mưu xâm lược lâu dài đất nước ta, đế quốc Mỹ thay chân Pháp phá hoại hiệp định, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam .

Với sức mạnh của cách mạng, với uy tín của chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đế quốc Mỹ đã thấy trước sự thất bại của chính quyền bù nhìn ở miền Nam Việt Nam nếu thực thi các điều khoản của hiệp định Giơnevơ. Chính tổng thống Mỹ Aixenhao đã tuyên bố : "Nếu bầu cử diễn ra theo như hiệp định Giơnevơ đã tiên liệu thì 80% dân chúng miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh" <sup>26</sup>.

Với nhận định này, đế quốc Mỹ và thực dân Pháp đã cố sức nhào nặn, tô vẽ cho một chính phủ quốc gia bù nhìn ở miền Nam Việt Nam. Chúng chuẩn bị một "chiến dịch di cư" dân ở miền Bắc, chủ yếu là giáo dân Công giáo vào miền Nam để tạo hậu thuẫn chính trị cho chính quyền tay sai, đồng thời tạo sự mất ổn định cho chính quyền cách mạng ở miền Bắc. Chính J. Công Panh (J.Compain) thống sứ Bắc kỳ đã tuyên bố công khai rằng : Quân Pháp khi rút lui sẽ làm cho Hà Nội trống vắng vì chính việc di cư dân đi một triệu người. Tướng Cô Nhy lúc đó đã ký lệnh cho tất cả các công chức người Việt phải rời Hà Nội đi vào Sài Gòn.

Tin thông tấn AFP đánh đi ngày 30-6-1954 cho thấy rõ âm mưu của Mỹ : "Trong một cuộc họp báo, tổng thống Aixenhao đã cho biết rằng nếu có hiệp định đình chiến Mỹ sẽ tổ chức một cuộc di tản để đưa dân miền Bắc vào miền Nam". Hiệp định Giơnevơ vừa ký kết, lực lượng Mỹ do Trung tá tình báo Lén Đên chỉ huy đã tiên

---

<sup>26</sup> Dẫn theo : "Thập giá và lưỡi gươm" của Linh mục Trần Tam Tĩnh, NXB Trẻ - TP Hồ Chí Minh, 1988 trang 19

hành công tác chiến tranh tâm lý chống chính phủ ở miền Bắc, xúi giục nhân dân bỏ vào Nam. Chúng tung tin rằng Đức Mẹ hiện ra ở Ba làng Thanh Hóa ra lệnh cho giáo dân phải vào Nam, phải xa lánh đất Cộng sản bất cứ giá nào để tìm sang đất tự do. Và "chạy trốn để cứu lấy mạng sống, cứu lấy đức tin"; "Chúa Kitô đã vào Nam"; "Đức Mẹ đã rời bỏ Bắc Việt"... Những nông dân, giáo dân miền Bắc thường gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn, trước những luận điệu tuyên truyền này đã bị tác động mạnh về tâm lý đành phải rời bỏ quê hương vào Nam sinh sống.

Để ổn định đời sống và cư trú cho đồng bào di cư từ miền Bắc vào, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập ở Trung ương một cơ quan gọi là tổng ủy di cư. Các cơ quan công giáo của Mỹ, Pháp, Caritas đã vận trợ một số tiền rất lớn để nhanh chóng thu xếp nơi ăn chốn ở cho dân.

Cuối năm 1954 gần 500.000 dân di cư Thiên chúa giáo từ miền Bắc đã vào các tỉnh miền Đông Nam bộ (chiếm 1/3 dân số dân di cư ở toàn miền Nam Việt Nam) trong đó tỉnh Biên Hòa tiếp nhận 82.950 người với 5 trung tâm lớn là : Hồ Nai, Phước Lý, Dĩ An, Lạc An, Tân Mai gồm 44 trại định cư. Tỉnh Long Khánh tiếp nhận 32.373 người với 17 trại định cư. Hồ Nai là một trung tâm định cư lớn với 38.000 người, trung tâm lớn thứ 2 là Gia Kiệm (Long Khánh) với 20.000 người.

Thành phần người di cư vào Biên Hòa, Trảng Bom, Gia Kiệm cũng rất đa dạng. Ngoài linh mục, giáo dân công giáo còn có binh lính, công chức từng làm việc trong bộ máy chính quyền Pháp, những tư sản thành thị, những địa chủ ở nông thôn miền Bắc... Ngoài ra thực dân Pháp còn đưa sư đoàn 5 bộ binh của người Nùng do Vòng A Sáng chỉ huy cùng toàn bộ gia đình từ Quảng Ninh vào Nam. Số này lúc đầu đóng ở Sông Mao (Bình Thuận) sang năm 1955 thì chuyển vào Bảo Bình (Long Khánh), một số đến định cư ở Sông Mây, Đồng Lách (Trảng Bom). Đến những năm 1958 - 1960 người Nùng từ Long Khánh, Bình Thuận tiếp tục về Trảng Bom lập nghiệp và lập ra xã Bàu Hàm.

Những trại định cư, làng định cư ban đầu được làm bằng vật liệu nhẹ, xây dựng theo kiểu làng miền Bắc bao quanh nhà thờ. Từ làng định cư, trại định cư, các nhà thờ mọc lên và được đặt tên giống như những xứ đạo họ đạo đã có ở miền Bắc trước khi di cư vào Nam.

Biên Hòa có vị trí chiến lược trong tam giác Sài Gòn - Biên Hòa - Vũng Tàu trong đó Trảng Bom, Hồ Nai là một cửa ngõ lớn ở phía đông để vào Biên Hòa, Sài Gòn. Địa bàn này có quốc lộ số I xuyên qua, có quốc lộ 20 lên Tây Nguyên, có đường sắt Bắc - Nam. Với vị trí này chính quyền Mỹ Diệm đã bố trí dân di cư công giáo ở những hướng chiến lược. Trên quốc lộ I từ Hồ Nai đến Trà Cỏ chúng xây dựng 17 trại. Trên quốc lộ 20 từ ngã ba Dầu Giây đến Võ Đồng chúng lập 1 trại lớn. Ý đồ của Mỹ Diệm là xây dựng các trại, làng định cư thành những "Ốc đảo khép kín, vừa không thể xâm nhập, vừa không thể đánh chiếm".

Đồng bào di cư miền Bắc trên địa bàn Trảng Bom là dân hầu khắp các tỉnh miền Bắc như: Thanh Hóa, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh... Trong đó có những vùng công giáo toàn tòng như Bùi Chu, Phát Diệm, Kẻ Sặt. Đa số họ là những người dân lao động nghèo luôn luôn ước mơ có một cuộc sống tốt đẹp cả phần hồn lẫn phần xác. Thế nhưng trong những ngày đầu định cư ở vùng đất mới, đồng bào cũng gặp không ít những gian nan vất vả với biết bao thiếu

thôn khó khăn.

Về tổ chức hành chánh của ngụy quyền thì Hồ Nai là 1 xã thuộc quận Châu Thành (Biên Hòa), Gia Kiệm là 1 xã thuộc quận Xuân Lộc (Long Khánh). Về đạo giáo, Hồ Nai thuộc địa phận Sài Gòn, Gia Kiệm thuộc địa phận Long Khánh. Đến ngày 3-1-1966 lập giáo phận Xuân Lộc (gồm cả Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy, Vũng Tàu).

Để xây dựng cơ sở xã hội, hậu thuẫn chính trị cho chế độ nhất là trong bà con giáo dân di cư, Diệm thành lập đảng Cần lao nhân vị làm nòng cốt cho cái gọi là phong trào cách mạng quốc gia. Bộ máy tề xã ở những làng công giáo di cư đều là những đảng viên Đảng cần lao của Diệm. Đi đôi với công tác tổ chức, Mỹ Diệm đẩy mạnh công tác tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu cách mạng trong bà con giáo dân. Chúng tổ chức học tập chính sách "tố cộng" "diệt cộng", rêu rao : "Cộng sản là vô thần hoàn toàn trái ngược với lý tưởng của công giáo", tạo nên thành kiến giữa bà con giáo dân với cách mạng. Chính vì thế từ năm 1954 - 1960 vùng Hồ Nai, Gia Kiệm hoàn toàn là vùng trắng, không có cơ sở cách mạng.

Ở Trảng Bom sau năm 1954 nhiều công nhân cao su tham gia kháng chiến chống Pháp đã trở về sở tiếp tục làm việc ở đồn điền cao su. Ở vùng Hưng Lộc, Hưng Nghĩa nhân dân từ các vùng căn cứ kháng chiến trở về làng xóm, sửa sang nhà cửa, phát hoang lại ruộng vườn, xây dựng cuộc sống mới. Một số cán bộ theo dân trở về địa phương, nhưng do khâu tổ chức hầu hết số cán bộ này đều chưa nắm được phương hướng công tác mới, tất cả đều mong chờ có cán bộ cấp trên về liên lạc giao nhiệm vụ.

Từ năm 1956 và những năm tiếp sau, Mỹ Diệm mở các chiến dịch Trương Tấn Bửu, chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" khủng bố cán bộ cách mạng và trả thù những người kháng chiến cũ. Nhiều cán bộ, đảng viên từ các tỉnh miền Tây Nam bộ, miền Trung đã điều lắng và chuyển vùng về Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Dầu Giây sinh sống như các ông: Mười Sửu, Tư Xương, Tám Phường, Ngô Duy Truyền... Các đồng chí bí mật liên lạc với nhau, động viên nhau giữ vững niềm tin, tuyên truyền ý thức cách mạng cho dân, vạch trần bản chất xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Mặc dầu hầu như hoàn toàn đứt liên lạc với tổ chức Đảng cấp trên nhưng nhân dân Trảng Bom, Hưng Lộc vẫn một lòng hướng về cách mạng, hướng về Bác Hồ kính yêu.

Tháng 12-1956, hàng trăm tù chính trị vượt ngục ở trại giam Tân Hiệp (Biên Hòa) trên đường trốn thoát về Long Thành, Bà Rịa được nhân dân Trảng Bom hết lòng che chở, tiếp tế, dẫn đường. Trong sự kìm kẹp, kiểm soát của giặc các má, các chị vẫn không quản ngại hy sinh xung phong dẫn đường đưa đoàn người vượt ngục vượt qua lộ I đi về Long Thành, Bà Rịa.

Đầu năm 1957 trước sự đánh phá khốc liệt của giặc, huyện ủy và mạng lưới cơ sở Đảng ở Xuân Lộc bị tổn thất nghiêm trọng, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định đưa đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) tỉnh ủy viên về Xuân Lộc xây dựng lại cơ sở cách mạng. Đồng chí Ba Dục đã trụ bám ở Hưng Lộc, xây dựng được một số cơ sở ở đây. Đến cuối năm 1958 đồng chí Ba Dục bị địch bắt, một lần nữa mạng lưới cơ sở ở Xuân Lộc nói chung, Hưng Lộc, Hưng Nghĩa nói riêng bị địch phá vỡ. Cán bộ và nhân dân Hưng Lộc, Trảng Bom lại tiếp tục bị đứt liên lạc với Đảng cấp trên. Phong trào cách



mạng trên địa bàn Trảng Bom tạm thời lắng xuống.

Nông dân, công nhân cao su nhất là số cán bộ kháng chiến cũ, những gia đình cơ sở cách mạng vẫn ngày đêm khắc khoải đợi chờ, tìm mọi cách liên lạc móc nối với cán bộ cách mạng, với tổ chức Đảng cấp trên để gây dựng lại phong trào.

Như vậy sau năm 1954, ngoài số dân là công nhân cao su lâu đời tại chỗ, địa bàn huyện Trảng Bom còn có người dân tộc Hoa, Nùng và bà con di cư công giáo từ miền Bắc vào. Tình hình dân cư ở huyện khá phức tạp, ít hiểu biết về cách mạng. Nhưng đại bộ phận nhân dân là người lao động nghèo, có tinh thần yêu nước nồng nàn. Đó chính là cơ sở để đường lối, chính sách tôn giáo, chính sách dân vận của Đảng, của Mặt trận dân tộc giải phóng có thể thâm nhập vào, khơi dậy phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân.

## **II. TỔ CHỨC XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG - HÌNH THÀNH BAN CÔNG TÁC DI CƯ**

Đầu năm 1959, trung ương Đảng ra nghị quyết 15 chuyển hướng chiến lược cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Cách mạng miền Nam chuyển sang một bước phát triển mới. Giai đoạn đồng khởi và chiến tranh cách mạng.

Được Đảng cho phép cầm vũ khí đánh địch, khắp nơi ở miền Nam nhân dân nổi dậy "vũ trang khởi nghĩa" diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ.

Phong trào đồng khởi ở Bến Tre, chiến thắng Tua 2 (Tây Ninh), tin nổi dậy từ các xã vùng ven chiến khu Đ, vùng lộ 2 Bà Rịa, vùng các đồn điền cao su... đã tác động mạnh mẽ đến quần chúng nhân dân ở Trảng Bom, Hưng Lộc... nhất là đồng bào lao động, công nhân cao su và những gia đình có ít nhiều quan hệ với cách mạng, với kháng chiến.

Trong lúc này phong trào cách mạng hai tỉnh Biên Hòa, Long Khánh vừa khôi phục lại. Vùng Hồ Nai, Trảng Bom, Hưng Lộc, Gia Kiệm (đọc lộ I và lộ 20) là những vùng cư dân mới hình thành, hầu hết là vùng trắng, Đảng chưa xây dựng được cơ sở, chưa nhen nhóm được phong trào cách mạng trong quần chúng nhân dân.

Một số cán bộ kháng chiến cũ từ các nơi điều lắng về các vùng này vẫn chưa móc nối liên lạc được với tổ chức. Số đồng bào yêu nước đang trong tâm trạng thấp thỏm đợi chờ, mong cán bộ cách mạng sớm trở lại hoạt động.

Từ Dốc Mơ, Gia Kiệm, Dầu Giây, Hưng Lộc cho đến Trảng Bom, Hồ Nai là vùng sâu do địch kiểm soát chặt. Đồng bào di cư công giáo, đồng bào dân tộc Hoa, Nùng dưới tác động của bộ máy tâm lý chiến của địch, tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng, nảy sinh tâm lý lo sợ một số có thành kiến với cách mạng.

Tháng 5-1960 tỉnh Thủ Biên được thành lập, địa bàn các huyện được bố trí lại. Nhưng đến đầu năm 1961 tỉnh Thủ Biên lại được tách ra làm 3 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành.

Tỉnh Biên Hòa được lập lại bao gồm các huyện : Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và thị xã Biên Hòa. Các xã Hồ Nai, Trảng Bom, Cây Gáo thuộc huyện Vĩnh Cửu, các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm, Gia Kiệm thuộc huyện Xuân Lộc. Tỉnh ủy Biên Hòa chuyển căn cứ về đóng ở dốc Già Râu xã Tân Định (huyện Vĩnh Cửu).

Để đẩy mạnh công tác diệt ác phá kiềm “khai hoang” vùng yếu, đồng thời tạo địa bàn chuẩn bị cho Tỉnh ủy mở qua vùng Sông Bung, Suối Cả xuống Long Thành, Nhơn Trạch, tháng 2-1961 Tỉnh ủy tăng cường trung đội 3 (đại đội 380) về Vĩnh Cửu<sup>27</sup>. Trung đội gồm 30 đồng chí do đồng chí Tư Bé sau đó là đồng chí Nguyễn Văn Bảo làm trung đội trưởng.

Mặt khác Tỉnh ủy cũng cử đồng chí Thái Văn Thái (Ba Thái) nguyên là trưởng giao liên huyện Vĩnh Cửu, mở vùng xuống Trảng Bom xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp đứng chân, mở tuyến hành lang liên lạc từ Vĩnh Cửu xuống Long Thành.

Buổi đầu với muôn vàn khó khăn, các đồng chí vẫn quyết tâm lãnh đạo bám trụ, tìm cách móc nối với dân, xây dựng cơ sở, rút thanh niên lập đội vũ trang. Chỉ trong vòng 3 đến 4 tháng, các đồng chí đã xây dựng được ở khu vực Ga Mới Trảng Bom 1 tiểu đội vũ trang tuyên truyền, kết nạp được 5 đảng viên trong đó có 2 đảng viên mật<sup>28</sup> đồng thời tổ chức xây dựng được 1 chi đoàn thanh niên lao động (6 đoàn viên) do đồng chí Hai Hoàng phụ trách bí thư.

Để khơi dậy phong trào cách mạng ở địa phương, kết hợp với bộ đội tỉnh (C 240), đội vũ trang tuyên truyền đã tổ chức đánh địch đóng ở khu vực lâm viên Trảng Bom, tịch thu được 3 khẩu súng trường và một số đạn dược.

Từ đây phong trào cách mạng ở Trảng Bom từng bước được khôi phục và phát triển, tạo cơ sở ban đầu để tỉnh ủy xúc tiến việc thành lập Ban công tác di cư, tiếp tục đưa cán bộ về Trảng Bom xây dựng cơ sở và vận động cách mạng trong đồng bào di cư công giáo và đồng bào dân tộc Hoa, Nùng trên địa bàn huyện.

Với vùng tam giác lộ 1 và lộ 20 chiến lược, tỉnh ủy Biên Hòa nhận định : Đây là vùng trung tuyến tiếp giáp với cửa ngõ chiến khu Đ, nổi thông tuyến hành lang về Long Thành, Bà Rịa, Long Khánh. Tỉnh ủy cũng nhận rõ âm mưu của địch bố trí dân di cư từ miền Bắc vào định cư trên hai trục lộ này nhằm: xây dựng hậu thuẫn chính trị, bảo vệ giao thông và các cơ quan, căn cứ quân sự đầu não ở Biên Hòa. Từ đó Tỉnh ủy cho rằng việc xây dựng cơ sở vùng dân công giáo vùng đồng bào dân tộc tại đây là rất quan trọng, không những giữ được địa bàn trung tuyến mà còn làm bàn đạp quan trọng tiến công vào Biên Hòa, Sài Gòn và khả năng đáp ứng hậu cần cho cách mạng cũng rất lớn. Từ nhận định này tỉnh ủy quyết định thành lập Ban công tác di cư, ban đầu gồm có 3 đồng chí : Văn Công Văn, Ba Rịch, Bảy Chặng sau đó bổ sung thêm đồng chí Lê Văn Triết do đồng chí Năm Văn phụ trách.

Địa bàn trọng tâm công tác của ban công tác di cư là vùng Đồng Lách, Sông Mây, Hố Nai, Bàu Hàm. Ban xác định đây là địa bàn cực kỳ khó khăn phức tạp vì đối tượng công tác mới, lại thường xuyên bị kẻ thù tác động gây nghi ngờ giữa dân với cách mạng gần được dân đã khó, giải thích cho dân hiểu chính sách đường lối chủ trương của cách mạng càng khó, xây dựng được cơ sở lại càng khó hơn. Với ý chí kiên trì, các đồng chí trong ban đã bám sát đồng bào ở khu Đồng Lách, anh em phải cải trang thành người làm ruộng, chăn trâu, gặt lúa thuê, đi cấy hái phụ giúp bà con, tạo điều kiện gần gũi, gây cảm tình từng bước một với một số bà con đồng bào dân tộc

<sup>27</sup> Đại đội 380 là tiền thân của đơn vị C 240 tỉnh Biên Hòa

<sup>28</sup> Kết nạp các đồng chí : Hai Hoàng, Huệ, Thành và các đồng chí Năm Cháy, Tư Tháo đảng viên mật bên trong.

Hoa, Nùng, đồng bào di cư công giáo ra làm ruộng.

Mặt khác, để đảm bảo mạch máu giao thông liên lạc giữa Vĩnh Cửu và Long Thành, đồng thời trực tiếp phục vụ xây dựng căn cứ hậu cần cho Tỉnh ủy theo quyết định của cấp trên, xã Trảng Bom trực thuộc sự chỉ đạo quản lý của Tỉnh ủy Biên Hòa. Chi bộ Trảng Bom do đồng chí Năm Lợi phụ trách bí thư đã tổ chức xây dựng được một mạng lưới cơ sở khá mạnh trong công nhân cao su và nông dân địa phương ở ấp Vườn Ngô. Nguồn lương thực phục vụ cho các cơ quan của tỉnh, các đơn vị bộ đội trong thời gian tỉnh Biên Hòa về đóng căn cứ ở Sông Buông, Suối Cả phần lớn do nhân dân, công nhân cao su Trảng Bom ủng hộ tiếp tế.

Giữa năm 1961, ban công tác di cư thành lập đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Lê Văn Triết (Năm Triết) làm đội trưởng. Nhiệm vụ của đội là thâm nhập chính sách, cương lĩnh của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam vào đồng bào di cư công giáo, đồng bào dân tộc trên địa bàn huyện, vạch trần âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và hành động bán nước của bè lũ Ngô Đình Diệm, phân tích cho nhân dân thấy rõ ai là kẻ thù, ai là đối tượng cần đánh đổ của cách mạng.

Mặt khác, đội còn có nhiệm vụ là xây dựng cơ sở cốt cán, khi cần thiết thì tiến hành diệt ác phá kềm để gây thanh thế cách mạng, trấn áp bọn phản động ác ôn, từng bước đưa phong trào vùng tôn giáo di cư lên.

Cuối năm 1961, ở khu vực ruộng chùa (Tân An - Vĩnh Cửu) ban công tác di cư đã vận động bà con không nộp thuế cho chính quyền ngụy lấy lý do thất mùa, heo rừng phá hoại... dân không đủ thóc để đóng. Hoạt động của đội vũ trang tuyên truyền đã làm cho bọn tề ngụy tại chỗ không dám vào kiểm tra cuộc đấu tranh này, đã bảo vệ quyền lợi cho dân, bước đầu ta tạo được mối thiện cảm giữa đồng bào và cán bộ cách mạng.

Nhiều gia đình làm ruộng ở Đồng Lách khá khó khăn không có trâu, bò cày đất, phải cuốc bằng tay. Thông cảm với nỗi cực nhọc của dân, Ban đã tìm cách giúp đỡ. Đồng chí Năm Triết về quê ở Tân Định thuê 4 con trâu dẫn về Đồng Lách cho dân cày bừa. Hành động này đã từng bước thay đổi cái nhìn của dân với cán bộ cách mạng, tạo ra tình cảm ban đầu. Dân hiểu cách mạng thông qua sự giúp đỡ cụ thể và có hiệu quả của cán bộ. Ban công tác đã tạo được niềm tin trong một số đồng bào Hoa, Nùng di cư.

Sau một thời gian vận động giáo dục, đội công tác đã xây dựng được một số cơ sở cốt cán như các ông: Hà Thu Minh, Vây A Sám (Ba Bằng), anh Ba Chón, anh Tư Khí, ông Lăng Cai Phí...

Thông qua những cơ sở ban đầu này, các đồng chí tiếp tục xây dựng được hàng chục cơ sở cảm tình khác ở các khu vực ấp Bùi Chu, Thanh Hóa, Trà Cỏ trong đó có một số gia đình giáo dân như anh Lương Văn Chương, ông Dương, ông Trùm Na, Trùm Bích, chị Mây, gia đình anh chị Quả... phong trào cách mạng từng bước khơi dậy, truyền đơn cách mạng, cờ giải phóng đã xuất hiện ở một số khu vực dọc theo lộ I từ Trảng Bom cho đến Hồ Nai. Ban công tác đã vận động đồng bào di cư tổ chức một số cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh. Bà con kéo nhau lên hội đồng xã, lên quận Đức Tu đòi chính quyền phải cấp phát ruộng đất, bán trâu bò cho dân canh tác.

Những việc làm thiết thực này đã góp phần chuyển biến nhận thức trong một

số giáo dân. Một số linh mục bước đầu đã có cảm tình với cách mạng như linh mục Vũ ở Đồng Lách đã gửi thư chúc mừng cán bộ, bộ đội giải phóng nhân dịp tết năm 1963. Để hỗ trợ cho phong trào cách mạng ở địa phương, đầu năm 1962 bộ đội C 240 (Biên Hòa) tập kích vào yếu khu Trảng Bom diệt gần 1 trung đội địch, tạo thế cho nhân dân vùng Sông Thao, Bàu Hàm, Trảng Bom, Hồ Nai nổi dậy diệt ác phá kềm.

Bọn ác ôn, bọn phản động cũng đánh hơi được sự hoạt động của cách mạng ở vùng này. Chúng gài tình báo, chỉ điểm tay sai theo đồng bào ra ruộng rẫy để dò tìm cán bộ cách mạng. Được đồng bào đồng tình ủng hộ, đội công tác tổ chức dán cáo trạng, bắt giữ tên trưởng ấp Nguyễn Văn Thúc ở Hồ Nai. Tiếp đó đội còn diệt một tên tình báo khác ở Đồng Lách. Đồng bào ta yêu cầu đưa hắn vào rừng xử lý, nhưng do không nắm vững tập tục của đồng bào dân tộc, ta lại họp dân xử án hắn ngay trong làng, tạo nên tâm lý hoang mang, một số gia đình ở Đồng Lách bỏ ruộng rẫy vào sông trong ấp chiến lược. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm sâu sắc cho Ban công tác và đội vũ trang tuyên truyền khi làm công tác vận động đồng bào dân tộc phải am hiểu đặc điểm, phong tục tập quán của đồng bào.

Để mở rộng địa bàn hoạt động, các đồng chí Năm Văn, Chín Ninh bám lên Trảng Bom xây dựng cơ sở, tuyên truyền vận động cách mạng trong công nhân cao su trong nông dân. Đồng chí Năm Triết tiếp tục bám các ấp Bùi Chu, Thanh Hóa tổ chức mạng lưới cơ sở trong số đồng bào làm be, làm củi từ Tây Ninh, Bình Dương qua đây sinh sống, đồng thời rút được một số thanh niên thoát ly vào rừng tham gia kháng chiến<sup>29</sup>.

Giữa năm 1962, tỉnh tăng cường cho Ban công tác di cư thêm hai đồng chí. Đồng chí Ba Rịch, Bảy Chặng được phân công lên Bàu Hàm lập thêm đội công tác mới, xây dựng cơ sở và căn cứ trong đồng bào Hoa, Nùng.

Cuối năm 1962 căn cứ vào tính chất và nhiệm vụ của địa bàn và sự phát triển của lực lượng, Ban công tác Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Ban cán sự di cư do đồng chí Năm Văn phụ trách, ủy viên Ban cán sự gồm có các đồng chí: Năm Triết, Ba Rịch, Chín Ninh, Hai Điện<sup>30</sup>. Chi bộ Đảng cũng được hình thành gồm các đồng chí Năm Văn, Năm Triết, Chín Ninh, Ba Rịch, Bảy Chặng, Ba Bằng...

Cùng thời gian này tỉnh ủy phân công nữ đồng chí Tám Huệ từ Trị An về hoạt động ở khu vực Gia Kiệm. Ở đây đồng chí Tám Huệ và Năm Toàn tạo được thế hợp pháp bên trong. Thông qua ông Năm Phú, cơ sở của ta, đang làm trưởng ấp cho địch ở Lạc Sơn, các đồng chí đã xây dựng được một số cơ sở cảm tình ở khu vực này, chủ yếu là công nhân cao su ở ấp Lạc Sơn (sở Bình Lộc) như gia đình ông Nguyễn Văn Bính (tự Mai), ông Ba Bôi, Ba Quang, ông Chín...

Căn cứ của Ban cán sự di cư đóng tại khu Nước Nhỏ - Tân An. Hầu hết cán bộ, đảng viên chiến sĩ trong đội vũ trang tuyên truyền đều bám các địa bàn hoạt động xây dựng cơ sở, vận động nhân dân ủng hộ cách mạng.

Vũ khí của đội vũ trang ban đầu chỉ có vài khẩu súng trường sét gỏi và vài trái

---

<sup>29</sup> Như đồng chí Chiến, đồng chí Hai...

<sup>30</sup> Hai Điện sau này ra đầu hàng địch

tạc đạn, Bác Hà Thu Minh<sup>31</sup> đã đào khẩu súng cạcbin mà bác chôn giấu từ trước trao cho các đồng chí trong Ban cán sự. Đây là khẩu súng tự động đầu tiên của lực lượng đã theo chân các đồng chí qua nhiều cuộc diệt ác phá kềm, đưa phong trào cách mạng ở địa phương phát triển.

Cuối năm 1962, đại hội thành lập ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Biên Hòa, sau đó là đại hội Mặt trận khu miền Đông Nam bộ được triệu tập. Ở khu vực đồng bào di cư Trảng Bom, Gia Kiệm có các đồng chí Vây A Sám (Ba Bằng), chị Hà Minh Mỹ (Sáu Mỹ), Linh mục Đoàn và 1 vị trùm họ đạo ở Gia Kiệm là những đại biểu chính thức của đại hội. Đồng chí Vây A Sám và linh mục Đoàn được bầu vào ủy ban mặt trận tỉnh, đồng thời là thành viên của ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng khu Đông Nam bộ. Đây là lần đầu tiên một cán bộ dân tộc Hoa và một chức sắc công giáo ở Biên Hòa được cử làm thành viên của mặt trận dân tộc giải phóng, thể hiện quan điểm đúng đắn của Đảng về vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, để tập hợp lực lượng đấu tranh vì độc lập, tự do của đất nước.

Trong lúc này vùng Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Dầu Giây thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc (Long Khánh) dân cư còn thưa thớt, vẫn còn là vùng trắng. Đội vũ trang tuyên truyền của huyện chưa đủ lực lượng để bung xuống hoạt động vùng này. Chỉ có một số cán bộ kháng chiến chín năm sinh sống tại chỗ đang tìm cách móc nối, bắt mối liên lạc với tổ chức, tạo cơ sở để tiếp tục công tác.

### **III. VƯỢT KHÓ KHĂN, TÍCH CỰC BẮM TRỤ, XÂY DỰNG CƠ SỞ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG**

Trong bối cảnh phong trào cách mạng ở địa phương vừa mới bắt đầu nhen nhóm thì cũng là lúc Mỹ Diệm thực hiện quốc sách áp chiến lược - xương sống của chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam.

Trên địa bàn huyện Thống Nhất ngày nay hầu hết các ấp chiến lược đều được địch xây dựng dọc theo các trục đường quốc lộ I và quốc lộ 20. Âm mưu cơ bản của địch là biến các ấp chiến lược này thành những "pháo đài chống cộng" kiên cố, để bảo vệ các đường giao thông, tạo vành đai bảo vệ các căn cứ, hậu cứ quân sự của chúng ở Biên Hòa, Long Bình... Các cụm ấp chiến lược tập trung là cụm Hồ Nai, cụm Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Dầu Giây, cụm Trảng Bom và cụm Gia Tân, Gia Kiệm<sup>32</sup>. Mỗi ấp

---

<sup>31</sup> *Bố của đồng chí Hà Minh Mỹ (Sáu Mỹ)*

<sup>32</sup> - *Cụm Hồ Nai gồm các ấp chiến lược: Tân Bắc, Bắc Hòa, Bù Chu, Thanh Hóa, Ngũ Phúc, Văn Côi, Hòa Bình, Lộc Đức 1, Lộc Đức 2, Đông Hải 1, Đông Hải 2, Thanh Tâm, Hà Nội, Nam Hải, Bắc Hải, Tây Hải:...* (thuộc quận Đức Tu, Biên Hòa).

- *Cụm Trảng Bom gồm các ấp chiến lược: Vườn Ngô, Trung tâm đồn điền Bàu Cá...* (thuộc quận Đức Tu - Biên Hòa).

- *Cụm Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Dầu Giây gồm các ấp chiến lược: Hưng Nhơn, Hưng Hiệp, Hưng Thạnh, Hưng Nghĩa, Sở Nông nghiệp, Phan Bội Châu, Trần Cao Vân, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học, Ngô Quyền* (thuộc quận Xuân Lộc - Long Khánh).

- *Cụm Gia Tân, Gia Kiệm gồm các ấp chiến lược: Thanh Sơn, Võ Đông, Phát Hải, Kim Thượng, Phúc Nhạc, Gia Yên, Dốc Mơ, Lạc Sơn* (thuộc quận Xuân Lộc - Long Khánh).

chiến lược ngoài hệ thống hàng rào kiên cố, địch còn xây dựng hàng chục lô cốt lớn nhỏ, các đồn bốt bảo vệ nhất là ở các trọng điểm giao thông. Với thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc : "chống cộng để bảo vệ đạo", địch tổ chức mỗi ấp từ 1 đến 2 trung đội thanh niên chiến đấu có trang bị vũ khí do các tên ác ôn phản động chỉ huy. Lực lượng này cùng với bọn dân vệ, bảo an thường xuyên canh gác kiểm tra, bắt bớ cơ sở cách mạng, truy lùng cán bộ chiến sĩ giải phóng. Ở các khu vực Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Hàm, Trảng Bom, địch tổ chức hàng chục cuộc hành quân càn quét để gom các gia đình ở sâu trong các vườn rẫy ra tập trung dọc theo trục lộ giao thông. Dựa vào những đặc điểm tập tục của dân tộc, đồng bào Hoa, Nùng đã đấu tranh kiên quyết không vào sống trong các ấp chiến lược. Bà con làm nhà dựng chòi sâu trong rẫy để canh tác trồng lúa, hoa màu. Địch gom bà con vào, bà con lại trở ra, cuối cùng không không chế được địch phải nhượng bộ làm ngơ. Hàng chục gia đình ở Bàu Xéo, Bàu Hàm... vẫn sống ngoài các ấp chiến lược, không chịu sự quản lý của địch.

Các vùng Trảng Bom, Hồ Nai, Bàu Hàm trước đây đối với địch là vùng "an toàn". Đến nay hoạt động của lực lượng cách mạng ở khu vực này là một sự đe dọa trực tiếp đối với chúng. Do đó cuối năm 1962 địch tổ chức hành quân ruồng bố ráo riết. Ở Đồng Lách địch bắt đồng chí Ba Chón một đảng viên cơ sở nòng cốt đưa đi thủ tiêu. Đồng chí Chín Ninh bám ấp chiến lược hoạt động bị bọn dân vệ phục kích bắn trọng thương. Các đồng chí Bảy Chặng, Chiến, Hai... hy sinh ở khu vực Sông Mây. Đội công tác Bùi Chu bị thiệt hại nặng không còn hoạt động được.

Tại Bàu Hàm đội công tác bước đầu mới thâm nhập được vào quần chúng thì xảy ra sự kiện phản biến trong nội bộ. Do thiếu cảnh giác và sai sót về tổ chức, một tân binh mới rút từ bên ngoài vào đội được 15 ngày đã phản bội bắn chết 2 đồng chí, bắn bị thương 1 đồng chí khác rồi ra đầu hàng giặc. Đội chỉ còn đồng chí Ba Quang chạy thoát.

Như vậy đến đầu năm 1963, lực lượng Ban công tác di cư chỉ còn lại đội vũ trang Đồng Lách. Phong trào cách mạng ở địa phương vừa bắt đầu phát triển phải chững lại và gặp nhiều khó khăn. Tổ chức Ban cán sự cũng có sự thay đổi về nhân sự. Hai đồng chí Năm Văn và Chín Ninh được rút về tỉnh nhận công tác khác, đồng chí Năm Triết được phân công phụ trách bí thư Ban cán sự.

Qua thực tế phong trào, Ban cán sự chủ trương: phải ổn định tư tưởng cho cán bộ đảng viên, cơ sở cốt cán, củng cố thực lực cách mạng, vận động thanh niên nhất là số con em các gia đình cách mạng thoát ly để xây dựng lực lượng. Về vũ trang phải đột nhập vào các ấp chiến lược diệt ác phá kềm, tổ chức nhiều đợt vũ trang tuyên truyền để phát triển thanh thế cách mạng, củng cố niềm tin trong dân.

Giữa năm 1963, đồng chí Ba Rịch được cử làm đội trưởng, đội Đồng Lách. Đồng chí Vây A Sám (Ba Bàng) cũng được tăng cường về xây dựng cơ sở vùng này để tạo bàn đạp bám vào khu vực Bùi Chu, Trà Cổ Trảng Bom, Bàu Xéo...

Một thời gian sau, Tỉnh ủy Biên Hòa tiếp tục tăng cường đồng chí Ba Hương về làm đội trưởng xây dựng lại đội Bùi Chu, Thanh Hóa. Kết hợp với đội vũ trang tập trung của Ban cán sự, các đồng chí tổ chức rải truyền đơn, treo cờ mặt trận, đột vào các ấp chiến lược dọc lộ I ở khu vực Tân Hòa, Tân Bắc, Trà Cổ để tuyên truyền vận động cách mạng, cảnh cáo bọn tề nguỵ ác ôn. Một số gia đình cơ sở như gia đình ông Hai Bắc, Tư Giới... ở Thanh Hóa, một số gia đình dân gốc Bình Dương ở Bùi Chu

được đội vận động đã dùng xe bò chở lương thực hàng hóa vào rừng tiếp tế cho cách mạng.

Ban cán sự nhận định : Ở vùng di cư công giáo tuy có xây dựng được một số cơ sở nhưng hầu hết không phải là dân tại chỗ. Vấn đề đặt ra là phải có một căn cứ hậu phương cho vững để phát triển hoạt động. Ban cán sự cho rằng Bàu Hàm có đủ điều kiện để thực hiện chủ trương này. Từ đó chỉ đạo cho lực lượng tập trung về Bàu Hàm để xây dựng cơ sở. Các đồng chí Năm Triết, Tám Thực, Năm Toàn, Hai Lộc, Sáu Mỹ, Ba Quang, Hai Võ... đều bám về đây để tuyên truyền vận động cách mạng.

Công tác vận động cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc cũng không kém khó khăn phức tạp so với vùng đồng bào di cư công giáo. Mỗi lần các đồng chí bám ra gặp dân, nói chuyện gì, hỏi chuyện gì họ đều trả lời : "mậu xì coong, mậu xì phéng" tức là không hiểu không biết. Thế nhưng đã xác định được nhiệm vụ và kiên trì công tác vận động đồng bào, các đồng chí không nản lòng, vẫn đeo bám, đi làm vườn, phát rẫy, hái thuốc lá, hái đậu giúp dân, dần dần gây được cảm tình, tìm hiểu được phong tục tập quán của đồng bào. Đồng chí Năm Triết gặp một bác nông dân tên thường gọi là Ba xì để có cùng họ Lê như đồng chí và nhận nghĩa anh em. Bác Ba đã dẫn đồng chí Năm Triết gặp tất cả những người cùng dòng họ để nhận diện "người thân gia tộc". Từ đó đồng chí đã tạo được mối quan hệ gắn bó với dân, được bà con tin tưởng chở che. Các đồng chí Sáu Mỹ, Tám Huệ... cũng bám được vào dân cùng ăn, cùng ở, cùng làm với họ để tuyên truyền giáo dục cách mạng. Các đồng chí phân tích để đồng bào nhận rõ bộ mặt xấu xa của bọn Mỹ Diêm, giải thích cho bà con hiểu được chính sách đoàn kết dân tộc của cách mạng. Vì sao cách mạng chiến đấu chống Mỹ và tay sai ? Qua vận động giáo dục các đồng chí đã xây dựng được một số cơ sở cốt cán ở Bàu Hàm như chị Tư Mùi, ông Thành Xập Zách, Dương Phúc Sinh, Chương Phúc Dưỡng, Năm Tắc Sinh, Vòng Bát...

Đối với nông dân người dân tộc ở Bàu Hàm, Ban cán sự nhận thức rằng vấn đề quyền lợi về ruộng đất là hàng đầu. Từ đó Ban chủ trương chia đất cho nông dân sản xuất, thành lập các tổ đoàn kết gồm từ 15 - 20 gia đình có chòi rẫy kế cận nhau và cử người làm tổ trưởng điều hành. Một vấn đề nảy sinh trong công tác tổ chức là khi cử tổ trưởng không một ai nhận cả. Cuối cùng là bà con bàn nhau mỗi người làm tổ trưởng 1 ngày như vậy ai cũng có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đoàn thể, với cách mạng. Các đoàn thể nông dân, phụ nữ, thanh niên cũng lần lượt được tổ chức. Đặc biệt các đồng chí đã thành lập được đội tự vệ hơn 20 thanh niên do anh Chương Phúc Dưỡng làm đội trưởng.

Tổ chức được đồng bào và đoàn thể đã tạo thêm sức mạnh cho bà con đấu tranh. Địch hành quân, càn quét vào rẫy, gom dân ra Sông Thao lập ấp chiến lược. Chúng đốt phá nhà cầm, hoa màu phong tỏa kinh tế, cấm mua gạo từ các nơi đưa về Bàu Hàm nhưng đồng bào vẫn kiên quyết không chịu rời ruộng rẫy, họ tuyên bố : "Thà ăn bắp, ăn chuối chứ không bao giờ vào sống trong trại tập trung". Đồng thời bà con tổ chức vận động hàng trăm người kéo lên biểu tình tại trụ sở Quốc hội ngụy ở Sài Gòn đòi gặp Vòng A Sáng (dân biểu ngụy) đưa yêu sách, tố cáo tội ác của giặc đòi tự do sinh sống, đi lại làm ăn. Bọn ngụy quyền đã huy động binh lính chặn đoàn biểu tình ngay tại Sông Thao, Trảng Bom, nhưng bà con vẫn không lùi bước. Một số bà con lăn xả vào đầu xe, mũi súng của giặc tiếp tục tiến lên phía trước, một số khác cắt

rừng tìm đường khác về Sài Gòn đấu tranh. Trước tinh thần đoàn kết đấu tranh của đồng bào, bọn nguỵ quyền Trung ương phải can thiệp và nhượng bộ. Chúng hứa hẹn không bắn pháo bừa bãi, không gom dân vào ấp chiến lược để bà con tự do ra rẫy làm ăn.

Ở khu vực Hưng Lộc, Hưng Nghĩa giữa năm 1963, thị ủy Biên Hòa đã có nhiều cán bộ, chiến sĩ về đây hoạt động, xây dựng cơ sở, xây dựng bàn đạp căn cứ đứng chân của thị xã ủy. Hưng Lộc là xã giáp ranh giữa hai tỉnh Biên Hòa và Long Khánh, là xã mới, dân tứ xứ tập hợp về, địch khó kiểm soát. Mặt khác địa bàn xã có rừng rậm liên hoàn với các xã bắc sông Đồng Nai, chiến khu Đ, có nhiều lợi thế trong việc xây dựng căn cứ. Cuối năm 1963 các đồng chí Hai Hoàng, Mười Yên và 1 đội biệt động khoảng 10 đồng chí (phiên hiệu là C 22) được cử về đứng chân hoạt động ở khu vực Hưng Lộc, Hưng Nghĩa. Các đồng chí đã liên lạc được với một số đảng viên ở xã như đồng chí Mười Sửu, Tư Xương, Tám Phường, Tư Việt... từ đó hình thành được mạng lưới cơ sở ở Hưng Lộc và bắt đầu tổ chức diệt ác phá kềm, gây dựng phong trào cách mạng.

Mở đầu ta diệt tên Một, tình báo của địch hoạt động ở Hưng Nghĩa. Tiếp đó được cơ sở phục vụ tình hình, các đồng chí Hai Hoàng, đồng chí Mới đột nhập ấp Canh Nông diệt tên Minh trưởng ấp ác ôn. Qua các lần diệt ác này, bọn tề nguỵ địa phương hoang mang lo sợ đã khơi dậy khí thế cách mạng trong nhân dân.

Các đồng chí còn giáo dục kết nạp thêm được một số đảng viên mới, hoạt động bí mật bên trong như : Ba Tô, Ba Lùn, Năm Dữ...

Trong năm 1963 hơn 30 thanh niên Hưng Lộc thoát ly gia đình gia nhập đội biệt động và bộ đội tình.

Đơn vị còn tổ chức nhiều trận đánh trên tuyến đường sắt từ Dầu Giây đến Trảng Bom. Trong 2 ngày 13 và 18 tháng 12 năm 1963 đơn vị C 22 dùng mìn đánh lật hai đoàn xe lửa quân sự từ Sài Gòn đi Phan Thiết tại khu vực Bàu Cá và Hưng Nghĩa.

Đầu năm 1964, H4 tỉnh Long Khánh (mật danh của huyện Xuân Lộc) cử 1 đội công tác gồm các đồng chí Quyền, Hoàng, Hòa... lên Hưng Lộc "khai hoang" xây dựng cơ sở. Đội công tác H4 đã bắt được liên lạc với bộ phận do đồng chí Hai Hoàng và Mười Yên phụ trách và cùng phối hợp hoạt động. Các đồng chí Tư Liễu, Tám Phường được rút ra thoát ly kháng chiến. Đơn vị xã Hưng Lộc được thành lập trực thuộc H4 tỉnh Long Khánh.

Công tác trọng tâm của Ban cán sự di cư Trảng Bom và H4 Long Khánh chỉ đạo là tập trung lực lượng vũ trang, chính trị cho việc đánh phá ấp chiến lược của địch. Cuộc đấu tranh trên các địa bàn bắt đầu diễn ra sôi động đặc biệt là tại Hưng Nghĩa.

Ấp chiến lược Hưng Nghĩa chu vi khoảng 1.770m, dân số chỉ có 547 người. Thế nhưng lại có tới 1 trung đội dân vệ luân phiên canh gác ngày đêm ở hai cổng ra vào ấp. Chúng xét giấy tờ kiểm tra gắt gao tất cả mọi người dân. ông Tư Việt và nhiều cơ sở chí cốt vẫn thường xuyên liên lạc với cán bộ bên ngoài, cung cấp tình hình, quy luật hoạt động, hệ thống phòng thủ của địch, nơi ăn ở của bọn tề ấp...

Một ngày đầu năm 1964, được tin bọn lính dân vệ sẽ kéo nhau đi xem hát, đội vũ trang tuyên truyền H4 phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh đưa 2 tiểu